

DẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÁY TÍNH



ĐỀ TÀI XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA

GVHD: Trương Thị Thái Minh
Lớp: L02
SV thực hiện: Bùi Lương Vinh Hiển – 1913380
Trần Tuấn Phong – 1914641
Trần Nguyễn Hữu Thọ – 1915347

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 09/2022



Mục lục

1	Tổng quan	4
1.1	Giới thiệu đề tài	4
1.2	Mục tiêu đề tài	4
1.3	Phạm vi đề tài	4
1.4	Ý nghĩa đề tài	4
1.5	Dóng góp của đề tài	4
2	Cơ sở lý thuyết	5
2.1	Lược đồ BPMN	5
2.2	Lược đồ BPEL	5
3	Yêu cầu hệ thống	6
3.1	Yêu cầu chức năng	6
3.2	Yêu cầu phi chức năng	7
4	Lược đồ Use-case	8
4.1	Toàn hệ thống	8
4.2	Dặt hàng trực tuyến	9
4.2.1	Xem danh sách sản phẩm	9
4.2.2	Lọc sản phẩm theo từ khóa	10
4.2.3	Lọc sản phẩm theo sự kiện	10
4.2.4	Lọc sản phẩm theo đặc điểm	10
4.2.5	Xem thông tin chi tiết sản phẩm	11
4.2.6	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng	11
4.2.7	Mua hàng trực tuyến	12
4.2.8	Thanh toán	13
4.3	Quản lý sự kiện	14
4.3.1	Xem thông tin chi tiết sự kiện	14
4.3.2	Thêm sự kiện cho hệ thống bán hàng online.	15
4.3.3	Chỉnh sửa sự kiện	15
4.3.4	Xóa sự kiện	16
4.4	Quản lý chi nhánh	16
4.4.1	Thêm chi nhánh	16
4.4.2	Chỉnh sửa thông tin chi nhánh	17
4.4.3	Xem thông tin chi tiết chi nhánh	17
4.4.4	Xóa chi nhánh	17
4.5	Quản lý hoạt động kinh doanh	18
4.5.1	Xem biểu đồ kinh doanh	18
4.6	Quản lý nhân viên	19
4.6.1	Xem thông tin chi tiết nhân viên	19
4.6.2	Xem thông tin điểm danh nhân viên	20
4.6.3	Chỉnh sửa thông tin chi tiết nhân viên	20
4.6.4	Thêm nhân viên	20
4.6.5	Xóa nhân viên	21
4.6.6	Yêu cầu thêm nhân viên	21
4.6.7	Yêu cầu xóa nhân viên	22
4.6.8	Duyệt yêu cầu cập nhật nhân viên	22
4.6.9	Điểm danh	22
4.7	Quản lý tài khoản	23
4.7.1	Đăng ký	23
4.7.2	Chỉnh sửa thông tin	23
4.7.3	Tạo mới mật khẩu	24
4.7.4	Xem thông tin chi tiết tài khoản	24
4.8	Quản lý kho	25
4.8.1	Xem thông tin chi tiết kho	25



4.8.2	Thêm kho	25
4.8.3	Chỉnh sửa thông tin kho	26
4.8.4	Xóa kho	27
4.9	Quản lý hàng hóa	27
4.9.1	Thêm hàng trong kho	27
4.9.2	Xóa hàng trong kho	28
4.9.3	Xem thông tin chi tiết hàng	28
4.9.4	Chỉnh sửa thông tin hàng	29
4.9.5	Xuất hàng trong kho	29
4.9.6	Chuyển kho	30
4.9.7	Nhận trả hàng	30
4.10	Quản lý đơn hàng	30
4.10.1	Xem thông tin đơn hàng trực tiếp	30
4.10.2	Xem thông tin đơn hàng trực tuyến	31
4.10.3	Cập nhật trạng thái đơn hàng	31
4.10.4	Xem trạng thái đơn hàng	32
4.10.5	Yêu cầu xuất hóa đơn	32
5	Thiết kế lược đồ BPMN	34
6	Kiến trúc hệ thống	35
6.1	Tổng quan	35
6.2	Tầng UI	35
6.3	Tầng API	35
6.4	Tầng service	35
7	Thiết kế cơ sở dữ liệu	36
8	Thiết kế giao diện	37
8.1	Giao diện chung	37
8.1.1	Dăng nhập	37
8.2	Giao diện người dùng	37
8.2.1	Dăng ký	37
8.2.2	Tạo lại mật khẩu	38
8.2.3	Header	39
8.2.4	Footer	40
8.2.5	Trang chủ	41
8.2.6	Thông tin chi tiết sản phẩm	42
8.2.7	Giỏ hàng	44
8.2.8	Thanh toán	44
8.2.9	Giao diện quản lý đơn hàng	46
8.2.10	Giao diện chi tiết đơn hàng	47
8.2.11	Giao diện thông tin khách hàng	47
8.3	Giao diện quản trị viên	50
8.3.1	Chung	50
8.3.1.a	Thay đổi mật khẩu	50
8.3.2	Quản lý chi nhánh	51
8.3.2.a	Thêm, chỉnh sửa chi nhánh	51
8.3.2.b	Thông tin chi tiết chi nhánh	52
8.3.3	Quản lý hoạt động kinh doanh	52
8.3.4	Quản lý nhân viên	54
8.3.4.a	Thêm, chỉnh sửa nhân viên	54
8.3.4.b	Thông tin chi tiết nhân viên	54
8.3.4.c	Quản lý yêu cầu nhân viên	56
8.3.4.d	Yêu cầu thêm nhân viên	56
8.3.4.e	Yêu cầu xóa nhân viên	56
8.3.5	Quản lý tài khoản	56



8.3.5.a	Thông tin chi tiết tài khoản	58
8.3.5.b	Thông tin chi tiết đơn hàng	58
8.3.6	Quản lý kho	58
8.3.7	Thêm, chỉnh sửa thông tin kho	58
8.3.8	Quản lý sự kiện	59
8.3.9	Thêm, chỉnh sửa thông tin sự kiện	59
8.3.10	Chọn hàng cho sự kiện	60
8.3.11	Quản lý hàng hóa	60
8.3.11.a	Chỉnh sửa thông tin hàng	61
8.3.11.b	Vận chuyển hàng	61
8.3.12	Quản lý đơn hàng trực tuyến	62
8.3.12.a	Chi tiết đơn hàng trực tuyến	62
8.3.13	Quản lý đơn hàng trực tiếp	63
8.3.13.a	Chi tiết đơn hàng cửa hàng	63
8.3.14	Giao diện khác	63
8.3.14.a	Quản lý chi nhánh	65
8.3.14.b	Trưởng chi nhánh	65
8.3.14.c	Quản lý hàng hóa	65
8.3.14.d	Quản lý kho	65
9	Lựa chọn công nghệ	66
9.1	Front-end	66
9.2	Back-end	66
10	Tổng kết	67
10.1	Kế hoạch cho giai đoạn luận văn	67
11	Tham khảo	68



1 Tổng quan

1.1 Giới thiệu đề tài

Xây dựng ứng dụng quản lý hệ thống cửa hàng thời trang dựa trên việc tự động hóa quy trình nghiệp vụ. Đầu tiên là tìm hiểu về các ngôn ngữ mô hình hóa và thực thi quy trình nghiệp vụ (chẳng hạn như: Business Process Modeling Notation – BPMN, Business Process Execution Language – BPEL). Đồng thời, cần nghiên cứu các công cụ hỗ trợ mô hình hóa và thực thi quy trình nghiệp vụ để lựa chọn công cụ phù hợp cho đề tài. Sau đó, tiến hành phân tích, thiết kế và hiện thực hệ thống dựa trên nền tảng công cụ được lựa chọn.

1.2 Mục tiêu đề tài

1.3 Phạm vi đề tài

1.4 Ý nghĩa đề tài

1.5 Đóng góp của đề tài



2 Cơ sở lý thuyết

2.1 Lược đồ BPMN

2.2 Lược đồ BPEL



3 Yêu cầu hệ thống

3.1 Yêu cầu chức năng

Quản lý chi nhánh:

- Quản lý có thể thêm chi nhánh mới
- Quản lý có thể xóa chi nhánh
- Quản lý có thể chỉnh sửa thông tin chi nhánh
- Quản lý có thể thểm xem thông tin chi tiết chi nhánh

Quản lý nhân viên:

- Quản lý có thể thêm nhân viên mới
- Quản lý có thể xóa nhân viên
- Quản lý có thể chỉnh sửa thông tin nhân viên
- Quản lý có thể thểm xem thông tin chi tiết nhân viên
- Trưởng chi nhánh có thể yêu cầu cấp trên thêm nhân viên mới
- Trưởng chi nhánh có thể yêu cầu cấp trên xóa nhân viên mới

Quản lý hoạt động kinh doanh:

- Quản lý có thể xem biểu đồ doanh thu, lợi nhuận của hệ thống

Quản lý tài khoản:

- Khách hàng có thể đăng ký tài khoản mới
- Khách hàng có thể đổi mật khẩu khi quên
- Khách hàng có thể chỉnh sửa thông tin cá nhân của mình
- Quản lý có thể xem thông tin chi tiết khách hàng

Quản lý kho:

- Quản lý có thể thêm kho mới
- Quản lý có thể xóa kho
- Quản lý có thể chỉnh sửa thông tin kho
- Quản lý có thể thểm xem thông tin chi tiết kho

Quản lý hàng hóa:

- Quản lý có thể thêm hàng mới vào kho
- Quản lý có thể xóa hàng khỏi kho
- Quản lý có thể chỉnh sửa thông tin hàng
- Quản lý có thể thểm xem thông tin chi tiết hàng
- Quản lý có thể chuyển hàng giữa các kho
- Quản lý có thể xuất hàng hóa trong kho
- Quản lý có thể nhận hàng trả lại của khách hàng

Quản lý đơn hàng:

- Quản lý có thể xem thông tin các đơn hàng trực tiếp
- Quản lý có thể xem thông tin các đơn hàng trực tuyến
- Dịch vụ giao vận có thể cập nhật trạng thái đơn hàng hiện tại
- Khách hàng có thể xem trạng thái các đơn hàng của mình
- Khách hàng có thể yêu cầu xuất hóa đơn các đơn hàng



Quản lý sự kiện:

- Quản lý có thể thêm sự kiện mới
- Quản lý có thể xóa sự kiện
- Quản lý có thể chỉnh sửa thông tin sự kiện
- Quản lý có thể thêm xem thông tin chi tiết sự kiện

Đặt hàng:

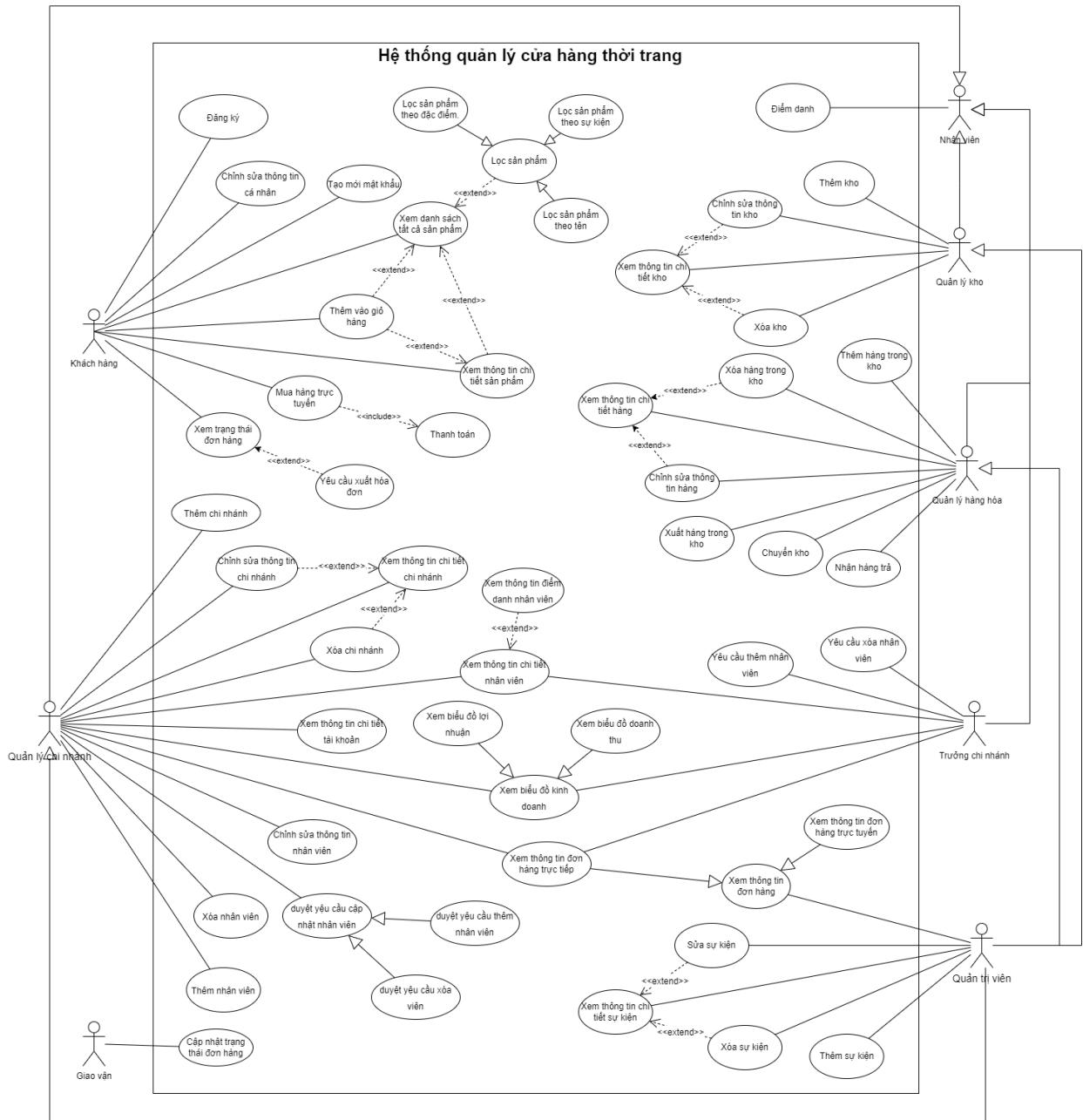
- Khách hàng có thể xem danh sách tất cả sản phẩm
- Khách hàng có thể xem thông tin chi tiết sản phẩm
- Khách hàng có thể lọc sản phẩm theo tên, đặc điểm và sự kiện
- Khách hàng có thể thêm sản phẩm vào giỏ hàng
- Khách hàng có thể thanh toán đơn hàng trực tuyến hoặc trực tuyến

3.2 Yêu cầu phi chức năng

- Quy trình được điều chỉnh (không thêm dịch vụ mới) sẽ đáp ứng nhanh vào hệ thống thực tế (tối đa 12 tiếng).
- Hệ thống không khả dụng tối đa 12 tiếng
- Responsive với màn hình máy tính/laptop ($>=768px$), tablet($>=576px$), Điện thoại($<576px$).
- Có thể hoạt động trên đa nền tảng, trên các browser như là chrome, Microsoft Edge, cốc cốc, firefox.
- Xử lý đồng thời được tối đa 100 đơn hàng.
- Thời gian response đáp ứng người dùng không quá 10s.
- Người dùng có thể sử dụng hệ thống sau khi được training trong 1h.
- Tỉ lệ lỗi tìm thấy sau hậu kiểm dưới 1%.
- Hệ thống đảm bảo bảo mật, ngăn chặn SQL injection, XSS.
- Mật khẩu của user phải được hash theo giải thuật SHA-256.

4 Lược đồ Use-case

4.1 Toàn hệ thống

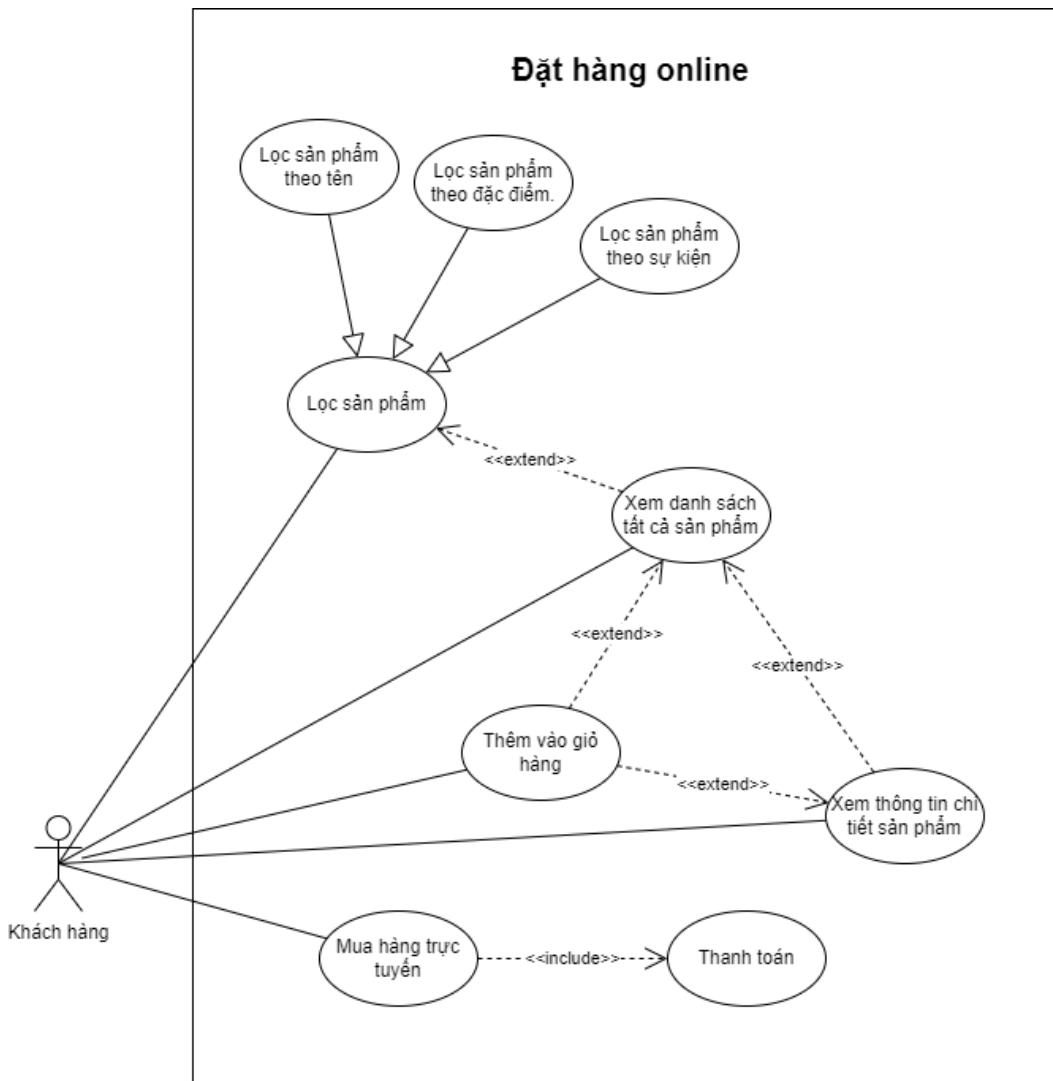


Hình 1: Use case Hệ thống quản lý cửa hàng thời trang

Note: Các Usecase không yêu cầu đăng nhập:

- Đăng ký
- Tạo mới mật khẩu
- Xem danh sách sản phẩm
- Lọc sản phẩm
- Điểm danh

4.2 Đặt hàng trực tuyến



Hình 2: Use case đặt hàng trực tuyến

4.2.1 Xem danh sách sản phẩm

Use-case name	Xem danh sách sản phẩm
Actor	Người dùng
Description	Cho phép người dùng có thể xem danh sách các sản phẩm của cửa hàng.
Preconditions	Người dùng đã truy cập vào trang chủ của nhà hàng.
Postconditions	Người dùng xem được danh sách các sản phẩm thời trang của cửa hàng.
Trigger	Không.
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị các sản phẩm theo mặc định. 2. Người dùng chọn mục tất cả sản phẩm. 3. Hệ thống hiển thị toàn bộ sản phẩm có bán trong cửa hàng. 4. Người dùng lướt trang web để duyệt tất cả các sản phẩm của cửa hàng.
Alternative flow	2.1 Người dùng lướt trang chủ để xem các sản phẩm nổi bật mặc định của trang web.
Exceptions	Không

Bảng 1: Đặc tả use-case xem danh sách sản phẩm



4.2.2 Lọc sản phẩm theo từ khóa

Use-case name	Lọc danh sách sản phẩm theo từ khóa
Actor	Người dùng
Description	Cho phép người dùng có thể xem danh sách các sản phẩm của cửa hàng có chứa tên mà người dùng mong muốn.
Preconditions	Người dùng đã truy cập vào trang chủ của nhà hàng.
Postconditions	Người dùng xem được danh sách các sản phẩm của cửa hàng có tên chứa từ khóa mà người dùng muốn xem.
Trigger	Không.
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị các sản phẩm theo mặc định. 2. Người dùng nhập từ khóa của sản phẩm muốn tìm. 3. Hệ thống hiển thị toàn bộ sản phẩm mà tên có từ khóa mà khách hàng tìm kiếm. 4. Người dùng xem kết quả danh sách sản phẩm tìm kiếm của hệ thống.
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 2: *Đặc tả use-case lọc sản phẩm theo từ khóa*

4.2.3 Lọc sản phẩm theo sự kiện

Use-case name	Lọc danh sách sản phẩm theo sự kiện
Actor	Người dùng
Description	Cho phép người dùng có thể xem các sản phẩm của cửa hàng đang trong danh sách thuộc sự kiện mà người dùng muốn xem.
Preconditions	Người dùng đã truy cập vào trang chủ của nhà hàng.
Postconditions	Người dùng xem được các sản phẩm của cửa hàng đang trong danh sách thuộc sự kiện mà người dùng muốn xem.
Trigger	Không
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị các sự kiện trong trang mặc định . 2. Người dùng chọn sự kiện muốn xem. 3. Hệ thống hiển thị toàn bộ sản phẩm mà có trong danh sách thuộc sự kiện người dùng chọn. 4. Người dùng xem kết quả danh sách sản phẩm sau khi lọc.
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 3: *Đặc tả use-case lọc sản phẩm theo sự kiện*

4.2.4 Lọc sản phẩm theo đặc điểm

Use-case name	Lọc danh sách sản phẩm theo đặc điểm
Actor	Người dùng
Description	Cho phép người dùng có thể xem các sản phẩm của cửa hàng có các đặc điểm của các thể loại mà người dùng chọn.
Preconditions	Người dùng đã vào trang tất cả sản phẩm của nhà hàng.
Postconditions	Người dùng xem được các sản phẩm của cửa hàng có các đặc điểm của thể loại mà người dùng muốn xem.



Trigger	Người dùng chọn "Tất cả sản phẩm".
Normal flow	1. Người dùng chọn đặc điểm của các trường muốn lọc (Các trường này bao gồm giá, thương hiệu, gender, size, màu sắc, nhóm sản phẩm). 2. Hệ thống hiển thị toàn bộ sản phẩm mà có các đặc điểm mà người dùng chọn. 3. Người dùng xem kết quả danh sách sản phẩm sau khi lọc.
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 4: *Đặc tả use-case lọc sản phẩm theo đặc điểm*

4.2.5 Xem thông tin chi tiết sản phẩm

Use-case name	Xem thông tin chi tiết sản phẩm
Actor	Người dùng
Description	Cho phép người dùng có thể xem thông tin chi tiết của sản phẩm.
Preconditions	Người dùng đang xem danh sách các sản phẩm.
Postconditions	Người dùng xem được thông tin chi tiết của sản phẩm mà người dùng muốn xem.
Normal flow	1. Người dùng chọn vào sản phẩm muốn xem trong danh sách các sản phẩm đang xem. 2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm . 3. Người dùng xem thông tin chi tiết của sản phẩm.
Alternative flow	1.1. Người dùng xem danh sách sản phẩm trong giỏ hàng. 1.2. Người dùng xem danh sách sản phẩm trong lịch sử mua hàng.
Exceptions	Không

Bảng 5: *Đặc tả use-case xem thông tin chi tiết sản phẩm*

4.2.6 Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

Use-case name	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
Actor	Người dùng
Description	Cho phép người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng của tài khoản của họ.
Preconditions	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.
Postconditions	Người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng của tài khoản của họ.
Triggers	Không.
Normal flow	1. Người dùng chọn vào xem danh sách các sản phẩm. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm của người dùng chọn 3. Người dùng chọn xem thông tin chi tiết sản phẩm. 4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết sản phẩm. 5. Người dùng chọn các thông tin sản phẩm theo ý muốn (Thông tin bao gồm size, màu... tùy thuộc loại sản phẩm). 6. Hệ thống thực hiện yêu cầu và hiển thị kết quả. 7. Người dùng nhận kết quả thêm vào giỏ hàng thành công.



Alternative flow	<p>1.1 Người dùng thêm vào giỏ từ lịch sử mua hàng.</p> <p>1.1.1. Người dùng chọn xem đơn hàng đã mua.</p> <p>1.1.2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng đã mua của người dùng.</p> <p>1.1.3. Người dùng chọn thêm lại vào giỏ hàng.</p> <p>1.1.4. Hệ thống thực hiện yêu cầu và hiển thị kết quả.</p> <p>1.1.5. Người dùng nhận kết quả thêm vào giỏ hàng thành công.</p> <p>3.1 Người dùng chọn thêm nhanh vào giỏ hàng.</p> <p>3.1.1 Hệ thống thêm sản phẩm vào giỏ hàng của khách hàng với các thông tin mặc định của hệ thống và thông báo kết quả.</p> <p>3.1.2. Đến bước 7.</p>
Exceptions	<p>7.1.Thêm vào giỏ hàng thất bại.</p> <p>7.1.1 Quay lại bước 5.</p>

Bảng 6: Đặc tả use-case thêm sản phẩm vào giỏ hàng

4.2.7 Mua hàng trực tuyến

Use-case name	Mua hàng trực tuyến
Actor	Người dùng
Description	Cho phép người dùng đặt hàng những sản phẩm mà họ muốn.
Preconditions	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.
Postconditions	Người dùng đặt hàng thành công các sản phẩm mà họ muốn.
Normal flow	<ol style="list-style-type: none">1. Người dùng chọn giỏ hàng.2. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin các sản phẩm trong giỏ hàng.3. Người dùng chỉnh sửa các thông tin sản phẩm theo ý muốn (Thông tin bao gồm size, màu... tùy thuộc loại sản phẩm).4. Hệ thống tính toán và hiển thị tổng giá tiền.5. Người dùng chọn đặt hàng.6. Hệ thống hiển thị màn hình danh sách thông tin sản phẩm mà người dùng đã chọn cùng giá tiền.7. Người dùng chọn và nhập địa chỉ giao hàng.8. Hệ thống nhận thông tin giao hàng và tính toán sau đó hiển thị kết quả lên màn hình.9. Người dùng nhập mã giảm giá.10. Hệ thống tính toán giá trị mã giảm giá và hiển thị giá cuối cùng cho người dùng.11. Người dùng chọn thanh toán và thực hiện thanh toán tùy chọn.12. Hệ thống thông báo kết quả đơn hàng hoàn tất cho người dùng.



Alternative flow	<p>3.1. Chưa có sản phẩm trong giỏ hàng.</p> <p>3.1.1. Người dùng thực hiện tìm kiếm sản phẩm mình muốn và thêm vào giỏ hàng.</p> <p>3.1.2. Quay lại bước 1.</p> <p>5.1 Người dùng không muốn tiếp tục đặt hàng.</p> <p>5.1.1. Người dùng chọn "thoát". 5.1.2. Hệ thống chuyển hướng về lại trang mặc định.</p> <p>9.1. Người dùng không muốn nhập mã giảm giá.</p> <p>9.1.1. Đến bước 11.</p>
Exceptions	<p>8.2. Địa chỉ khách hàng không được đơn vị vận chuyển hỗ trợ.</p> <p>8.2.1. Hệ thống thông báo cho người dùng và yêu cầu chỉnh sửa địa chỉ giao hàng. 8.2.2. Quay lại bước 7.</p> <p>12.1. Khách hàng thực hiện thanh toán thất bại khi chọn thanh toán online.</p> <p>12.1.1. Hệ thống thông báo cho người dùng đặt hàng thất bại và thực hiện lại thanh toán. 12.1.2. Quay lại bước 11.</p>

Bảng 7: *Đặc tả use-case mua hàng trực tuyến*

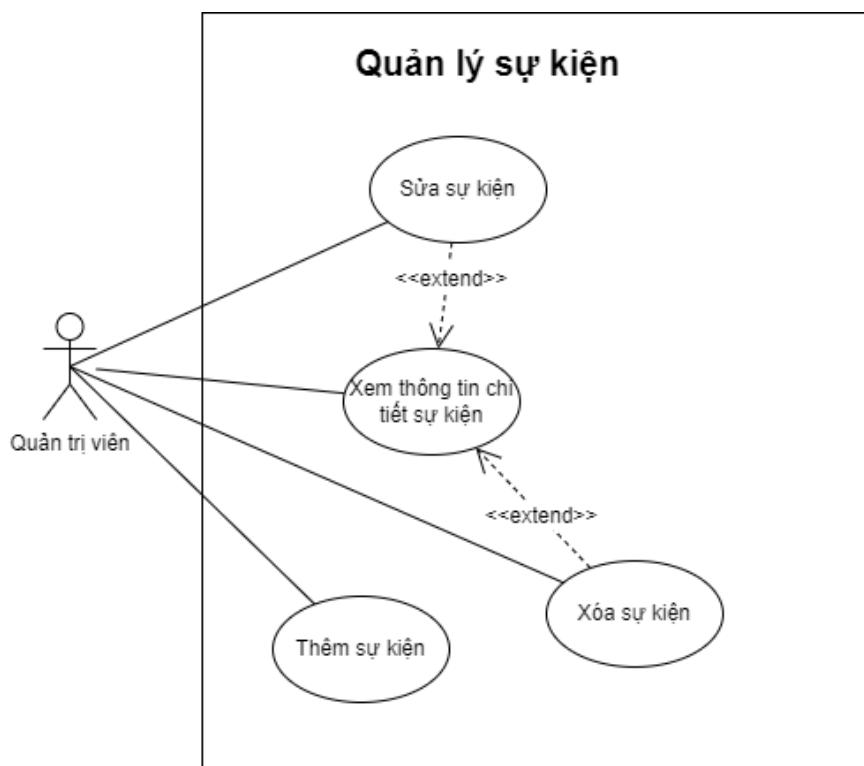
4.2.8 Thanh toán

Use-case name	Thanh toán
Actor	Người dùng
Description	Cho phép người dùng có thể thực hiện thanh toán để hoàn tất đơn hàng.
Preconditions	Người dùng tiến hành đặt hàng.
Postconditions	Người dùng thanh toán đơn hàng thành công.
Trigger	Người dùng chọn "Thanh toán".
Normal flow	<ol style="list-style-type: none">Hệ thống hiển thị lựa chọn thanh toán cho khách hàng gồm "Thanh toán online" và "Thanh toán khi nhận hàng".Người dùng chọn "Thanh toán online".Hệ thống hiển thị các dịch vụ hỗ trợ thanh toán trực tuyến.Người dùng chọn dịch vụ thanh toán trực tuyến mà người dùng muốn.Hệ thống tổng hợp dữ liệu gửi cho bên dịch vụ thứ ba mà người dùng chọn sau đó liên kết hiển thị cho người dùng thực hiện thanh toán.Người dùng thực hiện thanh toán thông qua dịch vụ của bên thứ ba.Hệ thống bên thứ ba trả về kết quả thanh toán thành công cho hệ thống và hệ thống thực thông báo kết quả thanh toán cho người dùng.Người dùng xem kết quả giao dịch thanh toán.
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none">Người dùng chọn "Thanh toán khi nhận hàng".<ol style="list-style-type: none">Hệ thống hiển thị xác nhận, ghi nợ cho vận chuyển và thông báo kết quả thành công.Người dùng xem kết quả.

Exceptions	7.1. Thanh toán thất bại. 7.1.1. Hệ thống thông báo thanh toán thất bại. 7.1.2. Quay lại bước 8. 2.1.1.1. Xác nhận đơn hàng thất bại. 2.1.1.1.1 Hệ thống thông báo kết quả tạo đơn thanh toán khi nhận hàng thất bại. 2.1.1.1.2 Quay lại bước 2.1.2.
-------------------	---

Bảng 8: *Đặc tả use-case Thanh toán*

4.3 Quản lý sự kiện



Hình 3: *Use case quản lý sự kiện*

4.3.1 Xem thông tin chi tiết sự kiện

Use-case name	Xem thông tin chi tiết sự kiện.
Actor	Quản trị viên
Description	Cho phép quản trị viên xem thông tin chi tiết sự kiện trong hệ thống.
Preconditions	Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống.
Postconditions	Quản trị viên xem được thông tin chi tiết của sự kiện mà họ muốn.
Trigger	Quản trị viên chọn mục "sự kiện".



Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> Toàn bộ sự kiện được hiển thị lên trình duyệt. Quản trị viên chọn sự kiện muốn xem thông tin chi tiết và nhấp chuột vào sự kiện đó. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của sự kiện. Người dùng xem thông tin chi tiết của sự kiện.
Alternative flow	Không.
Exceptions	Không.

Bảng 9: *Đặc tả use-case xem thông tin chi tiết sự kiện*

4.3.2 Thêm sự kiện cho hệ thống bán hàng online.

Use-case name	Thêm sự kiện cho hệ thống bán hàng online
Actor	Quản trị viên
Description	Cho phép quản trị viên có thể thêm sự kiện mới cho hệ thống bán hàng online.
Preconditions	Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống.
Postconditions	Quản trị viên tạo mới được sự kiện mà họ muốn.
Trigger	Quản trị viên chọn mục "sự kiện".
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> Toàn bộ sự kiện được hiển thị lên trình duyệt. Quản trị viên chọn nút thêm sự kiện. Hệ thống hiển thị màn hình form để tạo sự kiện mới . Quản trị viên nhập các thông tin cần thiết mà hệ thống yêu cầu và chọn icon "Thêm sự kiện". Hệ thống cập nhật thêm sự kiện mới vào database.
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng không muốn tiếp tục nữa. <ol style="list-style-type: none"> Người dùng chọn "Hủy". Hệ thống tắt màn hình popup.
Exceptions	<ol style="list-style-type: none"> Tên sự kiện đã tồn tại. <ol style="list-style-type: none"> Hệ thống thông báo thêm sự kiện thất bại. Trở về bước 4.

Bảng 10: *Đặc tả use-case thêm sự kiện cho hệ thống bán hàng online*

4.3.3 Chỉnh sửa sự kiện

Use-case name	Chỉnh sửa thông tin sự kiện
Actor	Quản trị viên
Description	Cho phép quản trị viên có thể chỉnh sửa thông tin sự kiện mới cho hệ thống bán hàng online.
Preconditions	Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống.
Postconditions	Quản trị viên chỉnh sửa được sự kiện mà họ muốn.
Trigger	Quản trị viên chọn mục "sự kiện".
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> Toàn bộ sự kiện được hiển thị lên trình duyệt. Quản trị viên chọn sự kiện muốn chỉnh sửa và nhấn vào nút "chỉnh sửa". Hệ thống hiển thị màn hình các thông tin của sự kiện. Quản trị viên chỉnh sửa các thông tin mà họ muốn sau đó nhấn nút "Lưu". Hệ thống thông báo kết quả cập nhật thêm sự kiện mới vào database.



Alternative flow	4.1. Người dùng không muốn tiếp tục nữa. 4.1.1. Người dùng chọn "Hủy". 4.1.2. Hệ thống tắt màn hình popup.
Exceptions	5.1. Thông tin thay đổi không hợp lệ 5.1.1. Hệ thống thông báo chỉnh sửa sự kiện thất bại 5.1.2. Trở về bước 4.

Bảng 11: *Đặc tả use-case chỉnh sửa thông tin sự kiện*

4.3.4 Xóa sự kiện

Use-case name	Xóa sự kiện
Actor	Quản trị viên
Description	Cho phép quản trị viên có thể xóa sự kiện khi không muốn nữa.
Preconditions	Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống.
Postconditions	Quản trị viên xóa được sự kiện mà họ muốn.
Trigger	Quản trị viên chọn mục "sự kiện".
Normal flow	1. Toàn bộ sự kiện được hiển thị lên trình duyệt. 2. Quản trị viên chọn sự kiện muốn chỉnh sửa và nhấn vào nút "xóa". 3. Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận người dùng muốn xóa sự kiện. 4. Quản trị viên chọn "Xác nhận".
Alternative flow	4.1. Người dùng không muốn tiếp tục. 4.1.1. Người dùng chọn "Hủy". 4.1.2. Hệ thống tắt màn hình popup.
Exceptions	5.1. Xóa sự kiện thất bại 5.1.1. Hệ thống thông báo không thể xóa sự kiện. 5.1.2. Trở về bước 2.

Bảng 12: *Đặc tả use-case xóa sự kiện*

4.4 Quản lý chi nhánh

4.4.1 Thêm chi nhánh

Use-case name	Thêm chi nhánh
Actor	Quản lý chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh có thể thêm chi nhánh mới
Preconditions	Quản lý chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Chi nhánh mới được cập nhật
Trigger	Quản lý chi nhánh chọn vào quản lý chi nhánh
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách chi nhánh 2. Quản lý chi nhánh chọn thêm mới 3. Hệ thống hiển thị biểu mẫu nhập thông tin 4. Quản trị viên nhập thông tin chi nhánh mới 5. Quản trị viên nhập chọn xác nhận 6. Hệ thống cập nhật chi nhánh mới



Alternative flow	5.1. Quản trị viên nhập chọn hủy 5.1.1. Kết thúc
Exceptions	6.1. Tên chi nhánh bị trùng 6.1.1. Quay về bước 3

Bảng 13: *Đặc tả use-case thêm chi nhánh*

4.4.2 Chỉnh sửa thông tin chi nhánh

Use-case name	Chỉnh sửa tin chi nhánh
Actor	Quản lý chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh có thể chỉnh sửa thông tin chi nhánh
Preconditions	Quản lý chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Thông tin chi nhánh được cập nhật
Trigger	Quản lý chi nhánh chọn vào quản lý chi nhánh
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách chi nhánh 2. Quản lý chi nhánh tìm kiếm chi nhánh và chọn chỉnh sửa 3. Hệ thống hiển thị biểu mẫu nhập thông tin 4. Quản lý chi nhánh chỉnh sửa thông tin chi nhánh 5. Quản lý chi nhánh nhập chọn xác nhận 6. Hệ thống cập nhật thông tin chi nhánh
Alternative flow	5.1. Quản lý chi nhánh chọn hủy 5.1.1. Kết thúc
Exceptions	6.1. Tên chi nhánh bị trùng 6.1.1. Quay về bước 3

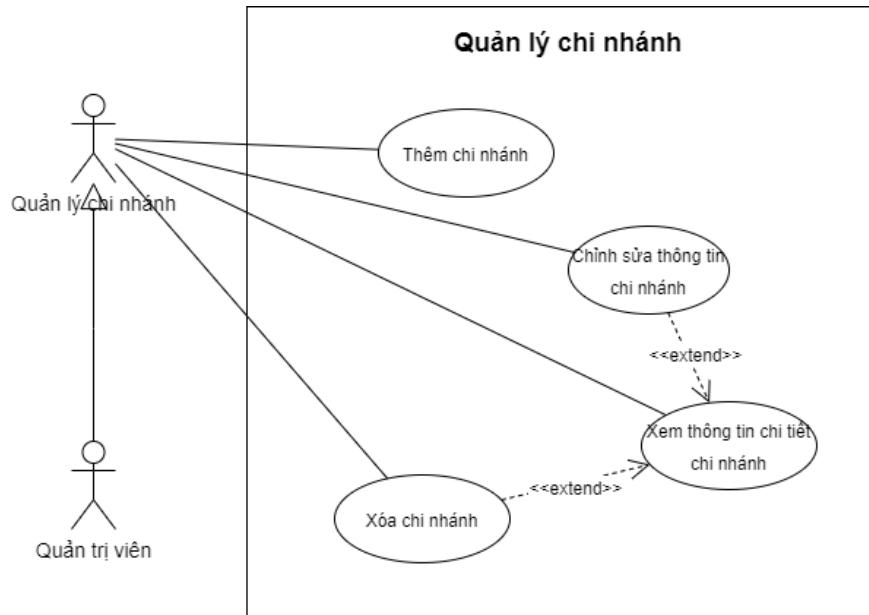
Bảng 14: *Đặc tả use-case chỉnh sửa chi nhánh*

4.4.3 Xem thông tin chi tiết chi nhánh

Use-case name	Xem thông tin chi tiết chi nhánh
Actor	Quản lý chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh có thể xem thông tin chi nhánh
Preconditions	Quản lý chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Nhận được thông tin chi nhánh
Trigger	Quản lý chi nhánh truy cập quản lý chi nhánh
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách các chi nhánh 2. Quản lý chi nhánh tìm kiếm và chọn chi nhánh muốn xem 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi nhánh đã chọn
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 15: *Đặc tả use-case xem thông tin chi tiết chi nhánh*

4.4.4 Xóa chi nhánh

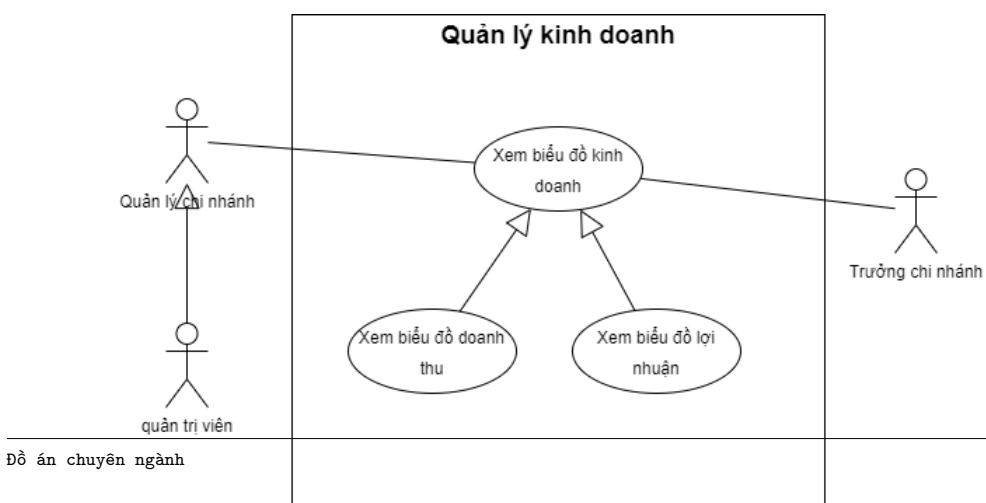


Hình 4: Use case quản lý chi nhánh

Use-case name	Xóa chi nhánh
Actor	Quản lý chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh có thể xóa chi nhánh
Preconditions	Quản lý chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Chi nhánh bị xóa khỏi hệ thống
Trigger	Quản lý chi nhánh chọn quản lý chi nhánh
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách chi nhánh 2. Quản lý chi nhánh tìm và chọn chi nhánh muốn xóa 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết chi nhánh 4. Quản lý chi nhánh chọn xóa chi nhánh 5. Hệ thống yêu cầu xác nhận 6. Quản lý chi nhánh chọn xác nhận 7. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> 6.1. Quản trị viên chọn hủy 6.1.1. Quay lại bước 3
Exceptions	Không

Bảng 16: Đặc tả use-case xóa chi nhánh

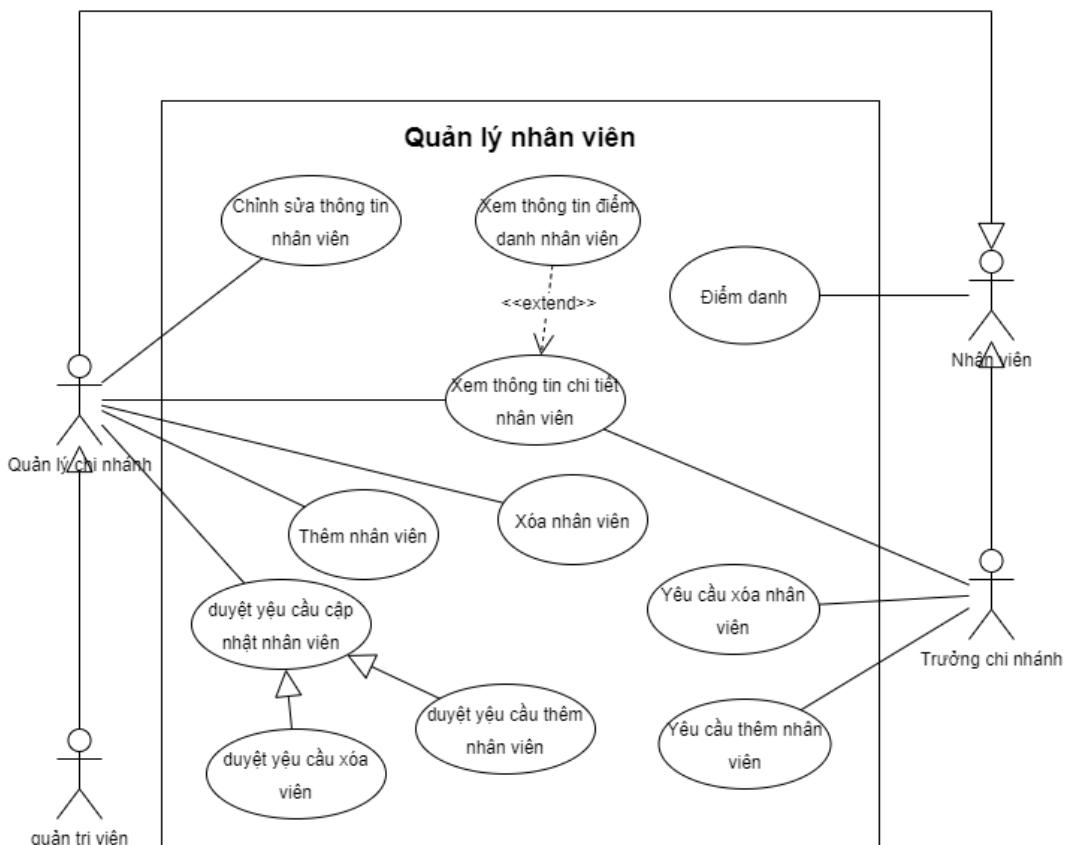
4.5 Quản lý hoạt động kinh doanh



Normal flow	1. Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh loại hàng muốn thống kê 2. Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh chọn khoảng thời gian 3. Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh chọn loại biểu đồ 4. Hệ thống hiển thị biểu đồ
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 17: *Detailed description of the use-case for viewing business data*

4.6 Quản lý nhân viên



Hình 6: *Use case for managing employees*

4.6.1 Xem thông tin chi tiết nhân viên

Use-case name	Xem thông tin chi tiết nhân viên
Actor	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh có thể xem thông tin chi tiết nhân viên
Preconditions	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Nhận được thông tin chi tiết nhân viên
Trigger	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh chọn quản lý nhân viên
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên 2. Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh tìm và chọn nhân viên muốn xem 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết nhân viên
Alternative flow	Không



Exceptions	Không
------------	-------

Bảng 18: *Đặc tả use-case xem thông tin chi tiết nhân viên*

4.6.2 Xem thông tin điểm danh nhân viên

Use-case name	Xem thông tin điểm danh nhân viên
Actor	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh có thể xem thông tin điểm danh nhân viên
Preconditions	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Nhận được thông tin điểm danh nhân viên
Trigger	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh truy cập thông tin chi tiết nhân viên
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết nhân viên 2. Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh chọn thời gian muốn xem 3. Hệ thống hiển thị lịch điểm danh nhân viên
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 19: *Đặc tả use-case xem thông tin chi tiết nhân viên*

4.6.3 Chính sửa thông tin chi tiết nhân viên

Use-case name	Chỉnh sửa thông tin chi tiết nhân viên
Actor	Quản lý chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh có thể chỉnh sửa thông tin nhân viên.
Preconditions	Quản lý chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Thông tin nhân viên được cập nhật
Trigger	Quản lý chi nhánh chọn quản lý nhân viên
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên 2. Quản lý chi nhánh tìm và chọn nhân viên cần chỉnh sửa 3. Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin nhân viên 4. Quản lý chỉnh sửa thông tin 5. Quản lý chọn lưu 6. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	5.1. Quản lý chọn hủy 5.1.1. Quay lại bước 3
Exceptions	Không

Bảng 20: *Đặc tả use-case chỉnh sửa thông tin nhân viên*

4.6.4 Thêm nhân viên

Use-case name	Thêm nhân viên
Actor	Quản lý chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh có thể thêm nhân viên
Preconditions	Quản lý chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Thông tin nhân viên mới được cập nhật
Trigger	Quản lý chi nhánh chọn quản lý nhân viên



Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên 2. Quản lý chi nhánh chọn thêm mới 3. Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin nhân viên mới 4. Quản lý chi nhánh nhập thông tin nhân viên 5. Quản lý chi nhánh chọn lưu 6. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	5.1. Quản lý chọn hủy 5.1.1. Quay lại bước 3
Exceptions	Không

Bảng 21: *Đặc tả use-case Thêm nhân viên*

4.6.5 Xóa nhân viên

Use-case name	Xóa nhân viên
Actor	Quản lý chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh có thể xóa nhân viên
Preconditions	Quản lý chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Thông tin nhân viên được xóa
Trigger	Quản lý chi nhánh chọn quản lý nhân viên
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên 2. Quản lý chi nhánh tìm và chọn nhân viên muốn xóa 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết nhân viên 4. Quản lý chi nhánh chọn xóa 5. Hệ thống yêu cầu xác nhận 6. Quản lý chi nhánh chọn xác nhận 7. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	6.1. Quản lý chọn hủy 6.1.1. Quay lại bước 3
Exceptions	Không

Bảng 22: *Đặc tả use-case Xóa nhân viên*

4.6.6 Yêu cầu thêm nhân viên

Use-case name	Yêu cầu thêm nhân viên
Actor	Trưởng chi nhánh
Description	Trưởng chi nhánh có thể yêu cầu cấp trên thêm nhân viên.
Preconditions	Trưởng chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Yêu cầu thêm được gửi đi
Trigger	Trưởng chi nhánh chọn vào quản lý nhân viên
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên 2. Trưởng chi nhánh chọn yêu cầu thêm mới 3. Hệ thống hiển thị biểu mẫu nhập thông tin 4. Trưởng chi nhánh nhập thông tin 5. Trưởng chi nhánh chọn gửi 6. Hệ thống gửi yêu cầu
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 23: *Đặc tả use-case Yêu cầu thêm nhân viên*



4.6.7 Yêu cầu xóa nhân viên

Use-case name	Yêu cầu xóa nhân viên
Actor	Trưởng chi nhánh
Description	Trưởng chi nhánh có thể yêu cầu cấp trên xóa nhân viên.
Preconditions	Trưởng chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Yêu cầu xóa được gửi đi
Trigger	Trưởng chi nhánh chọn quản lý nhân viên
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên Trưởng chi nhánh tìm và chọn nhân viên muốn yêu cầu Hệ thống hiển thị thông tin nhân viên Trưởng chi nhánh chọn yêu cầu xóa Hệ thống gửi thông tin đi
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 24: *Đặc tả use-case Yêu cầu xóa nhân viên*

4.6.8 Duyệt yêu cầu cập nhật nhân viên

Use-case name	Duyệt yêu cầu thêm nhân viên
Actor	Quản lý chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh có thể thêm nhân viên từ yêu cầu
Preconditions	Quản lý chi nhánh đã đăng nhập
Postconditions	Thông tin nhân viên được thêm
Trigger	Quản lý chi nhánh chọn quản lý nhân viên
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên Quản lý chi nhánh chọn được yêu cầu Hệ thống hiển thị danh sách yêu cầu nhân viên đang chờ Quản lý chi nhánh tìm và chọn duyệt nhân viên được yêu cầu Hệ thống yêu cầu xác nhận Quản lý chi nhánh chọn xác nhận Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> Quản lý chọn hủy <ol style="list-style-type: none"> Quay lại bước 3
Exceptions	Không

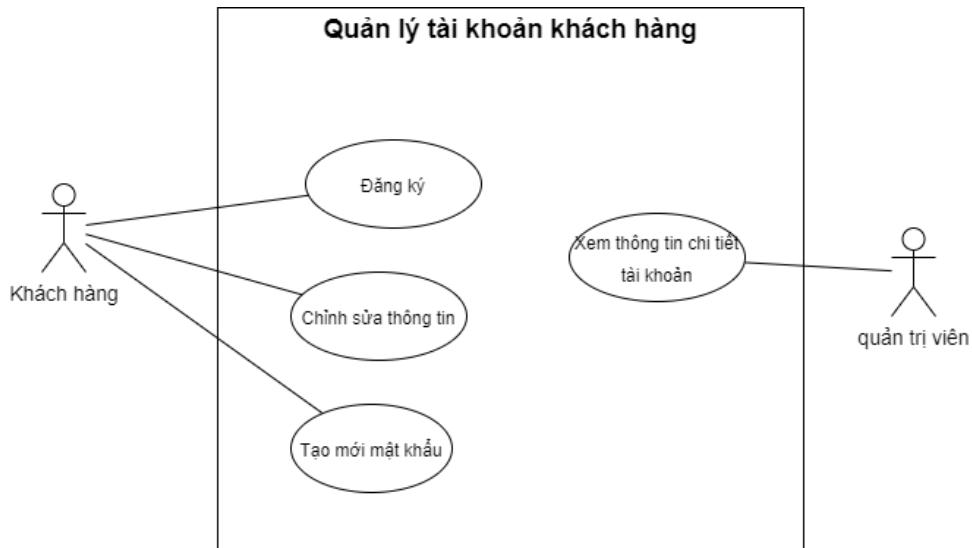
Bảng 25: *Đặc tả use-case Duyệt yêu cầu cập nhật nhân viên*

4.6.9 Điểm danh

Use-case name	Điểm danh
Actor	Nhân viên
Description	Nhân viên điểm danh khi làm việc
Preconditions	Không
Postconditions	Nhân viên được điểm danh
Trigger	Nhân viên truy cập hệ thống điểm danh
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhân viên đưa thẻ nhân viên vào máy scan Hệ thống quét và cập nhật thông tin
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 26: *Đặc tả use-case điểm danh*

4.7 Quản lý tài khoản



Hình 7: Use case quản lý tài khoản

4.7.1 Đăng ký

Use-case name	Dăng ký
Actor	Khách hàng
Description	Khách hàng có thể đăng ký tài khoản
Preconditions	Khách hàng truy cập hệ thống
Postconditions	Tài khoản được đăng ký
Trigger	Khách hàng chọn đăng ký
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin khách hàng 2. Khách hàng nhập thông tin của mình 3. Khách hàng chọn đăng ký 4. Hệ thống hiện yêu cầu nhập mã xác nhận 5. Khách hàng nhập mã và chọn gửi 6. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> 3.1. Khách hàng chọn hủy <p>3.1.1 Kết thúc</p>
Exceptions	<ol style="list-style-type: none"> 4.1. Số điện thoại đã được sử dụng <ol style="list-style-type: none"> 4.1.1 Quay lại bước 1 6.1. Khách hàng nhập sai OTP <ol style="list-style-type: none"> 6.1.1 Quay lại bước 5

Bảng 27: Đặc tả use-case Đăng ký

4.7.2 Chính sửa thông tin

Use-case name	Chỉnh sửa thông tin
Actor	Khách hàng
Description	Khách hàng có thể chỉnh sửa thông tin cá nhân



Preconditions	Khách hàng đã đăng nhập
Postconditions	Thông tin được cập nhật
Trigger	Khách hàng chọn vào tài khoản
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin tài khoản 2. Khách hàng chỉnh sửa thông tin tài khoản 3. Khách hàng chọn lưu 4. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> 3.1. Khách hàng chọn hủy 3.1.1 Kết thúc
Exceptions	Không

Bảng 28: *Đặc tả use-case Chỉnh sửa thông tin*

4.7.3 Tạo mới mật khẩu

Use-case name	Tạo mới mật khẩu
Actor	Khách hàng
Description	Khách hàng có thể cập nhật mật khẩu mới khi quên mật khẩu
Preconditions	Khách hàng đã truy cập hệ thống
Postconditions	Thông tin được cập nhật
Trigger	Khách hàng chọn vào quên mật khẩu
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống yêu cầu thông tin liên hệ 2. Khách hàng nhập thông tin và gửi 3. Hệ thống yêu cầu nhập mã xác nhận 4. Khách hàng nhập mã và chọn gửi 5. Hệ thống yêu cầu nhập mật khẩu mới 6. Khách hàng nhập mật khẩu mới và chọn xác nhận 7. Hệ thống cập nhật thông tin và hiển thị màn hình đăng nhập
Alternative flow	Không
Exceptions	<ol style="list-style-type: none"> 6.1. Khách hàng nhập sai OTP <ol style="list-style-type: none"> 6.1.1. Thông báo sai 6.1.2. Quay lại bước 3

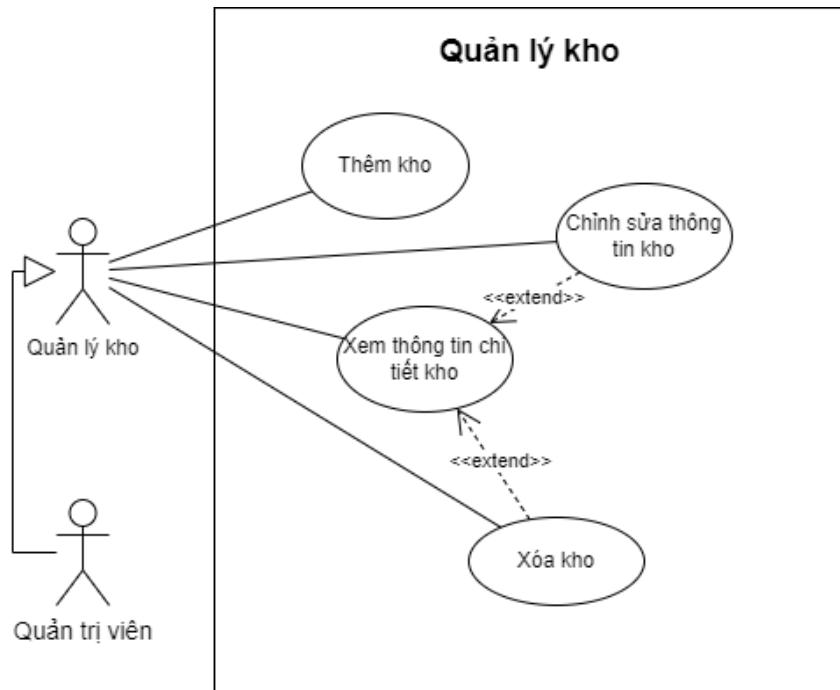
Bảng 29: *Đặc tả use-case Tạo mới mật khẩu*

4.7.4 Xem thông tin chi tiết tài khoản

Use-case name	Xem thông tin chi tiết tài khoản
Actor	Quản trị viên
Description	Quản trị viên có thể xem thông tin tài khoản khách
Preconditions	Quản trị viên đã đăng nhập
Postconditions	Nhận được thông tin tài khoản
Trigger	Quản trị viên chọn quản lý tài khoản
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả tài khoản 2. Quản trị viên tìm kiếm và chọn tài khoản muốn xem 3. Hệ thống hiển thị thông tin tài khoản
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 30: *Đặc tả use-case Xem thông tin chi tiết tài khoản*

4.8 Quản lý kho



Hình 8: Use case quản lý kho

4.8.1 Xem thông tin chi tiết kho

Use-case name	Xem thông tin chi tiết kho.
Actor	Quản lý kho.
Description	Quản lý xem được thông tin chi tiết kho hàng mà quản lý kho muốn xem.
Preconditions	Quản lý kho đã đăng nhập vào hệ thống.
Postconditions	Quản lý xem được thông tin chi tiết kho hàng mà quản lý kho muốn xem.
Trigger	Quản lý kho chọn vào nút "Quản lý kho".
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả kho. 2. Quản lý chọn kho muốn xem thông tin chi tiết và nhấp chuột vào đó. 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của kho mà người dùng chọn. 4. Quản lý kho xem thông tin chi tiết của kho mà bản thân mình chọn.
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 31: Đặc tả use-case xem thông tin chi tiết kho

4.8.2 Thêm kho

Use-case name	Thêm kho.
Actor	Quản lý kho.
Description	Quản lý thêm kho mới vào trong hệ thống lưu trữ.
Preconditions	Quản lý kho đã đăng nhập vào hệ thống.
Postconditions	Quản lý thêm được kho mà quản lý kho muốn.
Trigger	Quản lý kho chọn nút "Quản lý kho".



Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả kho. 2. Quản lý kho chọn nút "Thêm kho". 3. Hệ thống hiển thị thông tin kho cần điền thông tin để thêm. 4. Người dùng nhập thông tin của kho và nhấn "Tạo". 5. Hệ thống tiến hành kiểm tra định dạng các thông tin mà người dùng chọn và thông báo kết quả tạo kho thành công. 6. Người dùng xem kết quả tạo kho.
Alternative flow	Không.
Exceptions	<ol style="list-style-type: none"> 5.1. Người dùng nhập thông tin không đúng định dạng. <ol style="list-style-type: none"> 5.1.1. Hệ thống thông báo thông tin kho nhập vào sai định dạng, yêu cầu người dùng nhập lại. 5.1.2. Người dùng chỉnh sửa lại các thông tin theo định dạng và chọn "Tạo". 5.1.3. Quay lại bước 5. 5.2. Tạo kho thất bại. <ol style="list-style-type: none"> 5.2.1. Hệ thống thông báo kết quả tạo kho thất bại. 5.2.2. Quay lại bước 2.

Bảng 32: *Dặc tả use-case thêm kho*

4.8.3 Chỉnh sửa thông tin kho

Use-case name	Chỉnh sửa thông tin kho.
Actor	Quản lý kho.
Description	Quản lý chỉnh sửa thông tin kho.
Preconditions	Quản lý kho đã đăng nhập vào hệ thống.
Postconditions	Quản lý chỉnh sửa được thông tin của kho mà quản lý kho muốn.
Trigger	Quản lý chọn nút "Quản lý kho".
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả kho. 2. Quản lý kho chọn kho muốn chỉnh sửa thông tin và nhấn nút "Chỉnh sửa". 3. Hệ thống hiển thị thông tin kho có sẵn. 4. Người dùng chỉnh sửa thông tin của kho và nhấn "Lưu". 5. Hệ thống tiến hành kiểm tra định dạng các thông tin mà người dùng chọn và thông báo kết quả chỉnh sửa kho thành công. 6. Người dùng xem kết quả chỉnh sửa kho.
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> 1.1. Quản lý kho muốn chỉnh sửa sau khi xem thông tin chi tiết của kho. <ol style="list-style-type: none"> 1.1.1. Quản lý kho chọn nút "Chỉnh sửa" trong trang xem thông tin chi tiết kho. 1.1.2. Đến bước 3.
Exceptions	<ol style="list-style-type: none"> 5.1. Người dùng nhập thông tin không đúng định dạng. <ol style="list-style-type: none"> 5.1.1. Hệ thống thông báo thông tin kho nhập vào sai định dạng, yêu cầu người dùng nhập lại. 5.1.2. Người dùng chỉnh sửa lại các thông tin theo định dạng và chọn "Lưu". 5.1.3. Quay lại bước 5. 5.2. Hệ thống chỉnh sửa kho thất bại. <ol style="list-style-type: none"> 5.2.1. Hệ thống thông báo kết quả chỉnh sửa kho thất bại. 5.2.2. Quay lại bước 2.

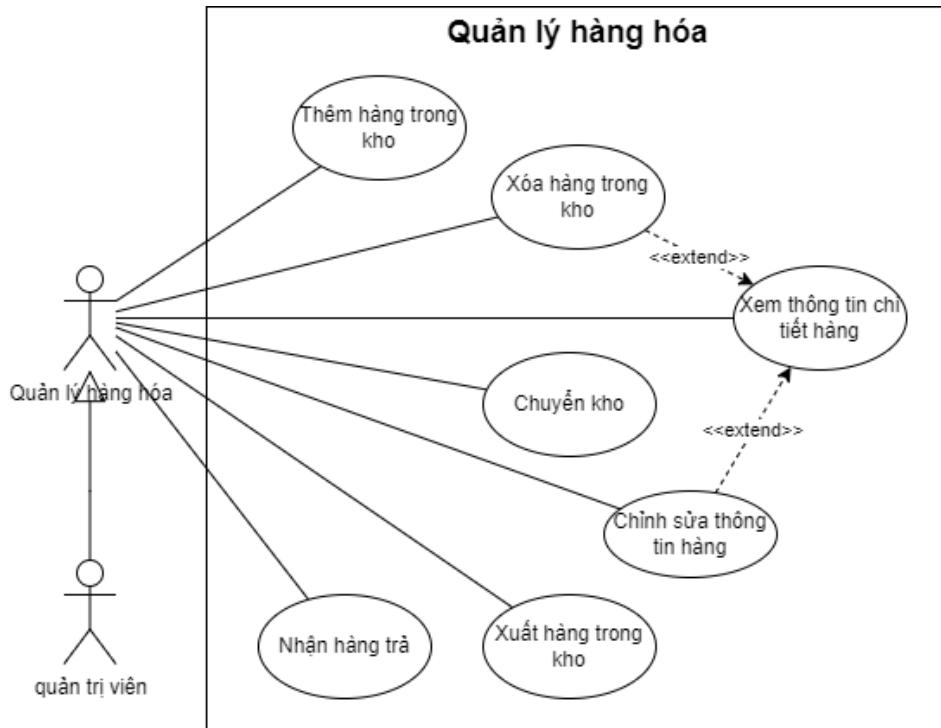
Bảng 33: *Dặc tả use-case chỉnh sửa thông tin kho*

4.8.4 Xóa kho

Use-case name	Xóa kho.
Actor	Quản lý kho.
Description	Quản lý xóa kho khi thực tế không cần sử dụng nữa.
Preconditions	Quản lý kho đã đăng nhập vào hệ thống.
Postconditions	Quản lý xóa được kho mà mình muốn.
Trigger	Quản lý kho chọn vào nút "Quản lý kho".
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả kho. 2. Quản lý kho chọn kho muốn xóa nhấn nút "Xóa". 3. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận quản lý kho có muốn xóa kho. 4. Quản lý chọn nút "Xác nhận". 5. Hệ thống hiển thị kết quả xóa kho thành công. 6. Người dùng xem kết quả xóa kho.
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> 1.1. Quản lý kho muốn chỉnh sửa sau khi xem thông tin chi tiết của kho. 1.1.1. Người dùng chọn nút "Xóa". 1.1.2 Đến bước 3.
Exceptions	<ol style="list-style-type: none"> 4.1. Hệ thống xóa kho thất bại. 4.1.1. Hệ thống thông báo kết quả xóa kho thất bại. 4.1.2. Quay lại bước 1.

Bảng 34: Đặc tả use-case xóa kho

4.9 Quản lý hàng hóa



Hình 9: Use case quản lý hàng hóa

4.9.1 Thêm hàng trong kho



Use-case name	Thêm hàng trong kho
Actor	Quản lý hàng hóa
Description	Quản lý hàng hóa có thể thêm hàng vào kho
Preconditions	Quản lý hàng hóa đã đăng nhập
Postconditions	Hàng được thêm
Trigger	Quản lý hàng hóa chọn "Quản lý hàng hóa"
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách hàng hóa 2. Quản lý hàng hóa chọn "Thêm mới" 3. Hệ thống hiển thị biểu mẫu điền thông tin 4. Quản lý hàng hóa nhập thông tin 5. Quản lý hàng hóa chọn "Lưu" 6. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> 2.1. Hàng đã có trong kho <ol style="list-style-type: none"> 2.1.1 Quản lý hàng hóa chọn vào hàng cần nhập 2.1.2 Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin quy trình 2.1.3 Quản lý hàng hóa điền thông tin và chọn lưu 2.1.4 Hệ thống cập nhật thông tin 5.1. Quản lý hàng hóa chọn hủy <ol style="list-style-type: none"> 5.1.1 Quay lại bước 3
Exceptions	Không

Bảng 35: *Đặc tả use-case Thêm hàng trong kho*

4.9.2 Xóa hàng trong kho

Use-case name	Xóa hàng trong kho
Actor	Quản lý hàng hóa
Description	Quản lý hàng hóa có thể xóa hàng khỏi kho
Preconditions	Quản lý hàng hóa đã đăng nhập
Postconditions	Hàng được xóa khỏi kho
Trigger	Quản lý hàng hóa chọn "Quản lý hàng hóa"
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách hàng hóa 2. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn hàng muốn xóa 3. Hệ thống hiển thị thông tin hàng 4. Quản lý hàng hóa tìm kho cần xóa và chọn "Xóa" 5. Hệ thống yêu cầu xác nhận 6. Quản lý hàng hóa chọn "Xác nhận" 7. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> 6.1. Quản lý hàng hóa chọn "Hủy" <ol style="list-style-type: none"> 6.1.1 Quay lại bước 3
Exceptions	Không

Bảng 36: *Đặc tả use-case Xóa hàng trong kho*

4.9.3 Xem thông tin chi tiết hàng

Use-case name	Xem thông tin chi tiết hàng
Actor	Quản lý hàng hóa



Description	Quản lý hàng hóa có thể xem thông tin đầy đủ của hàng
Preconditions	Quản lý hàng hóa đã đăng nhập
Postconditions	Nhận được thông tin hàng
Trigger	Quản lý hàng hóa chọn "Quản lý hàng hóa"
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách hàng hóa 2. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn hàng muốn xem 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết hàng
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 37: *Đặc tả use-case Xem thông tin chi tiết hàng*

4.9.4 Chính sửa thông tin hàng

Use-case name	Chỉnh sửa thông tin hàng
Actor	Quản lý hàng hóa
Description	Quản lý hàng hóa có thể thông tin đầy đủ của hàng
Preconditions	Quản lý hàng hóa đã đăng nhập
Postconditions	Thông tin hàng được cập nhật
Trigger	Quản lý hàng hóa chọn "Quản lý hàng hóa"
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách hàng hóa 2. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn hàng muốn chỉnh sửa 3. Thông tin chi tiết hàng được hiển thị 4. Quản lý hàng hóa chọn "Chỉnh sửa" 5. Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin hàng 6. Quản lý hàng hóa nhập thông tin 7. Quản lý hàng hóa chọn "Lưu" 8. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	7.1 Quản lý hàng hóa chọn "Hủy" 7.1.1 Quay lại bước 3
Exceptions	Không

Bảng 38: *Đặc tả use-case Chính sửa thông tin chi tiết hàng*

4.9.5 Xuất hàng trong kho

Use-case name	Xuất hàng trong kho
Actor	Quản lý hàng hóa
Description	Quản lý hàng hóa có thể xuất hàng khỏi kho
Preconditions	Quản lý hàng hóa đã đăng nhập
Postconditions	Hàng được xuất khỏi kho
Trigger	Quản lý hàng hóa chọn "Quản lý hàng hóa"
Normal flow	1. Hệ thống hiển thị danh sách hàng hóa 2. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn hàng muốn xuất 3.Thông tin chi tiết hàng được hiển thị 4. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn kho muốn xuất 5. Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin quy trình 6. Quản lý hàng hóa nhập thông tin 7. Quản lý hàng hóa chọn "Thực hiện" 8. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	Không



Exceptions	Không
-------------------	-------

Bảng 39: *Đặc tả use-case Xuất hàng trong kho*

4.9.6 Chuyển kho

Use-case name	Chuyển kho
Actor	Quản lý hàng hóa
Description	Quản lý hàng hóa có thể chuyển hàng từ kho này đến kho khác
Preconditions	Quản lý hàng hóa đã đăng nhập
Postconditions	Hàng chuyển đi
Trigger	Quản lý hàng hóa chọn "Quản lý hàng hóa"
Normal flow	<ul style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách hàng hóa 2. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn hàng muốn xuất 3. Thông tin chi tiết hàng được hiển thị 4. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn kho muốn xuất 5. Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin quy trình 6. Quản lý hàng hóa nhập thông tin 7. Quản lý hàng hóa chọn "Thực hiện" 8. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 40: *Đặc tả use-case Chuyển kho*

4.9.7 Nhận trả hàng

Use-case name	Nhận trả hàng
Actor	Quản lý hàng hóa
Description	Quản lý hàng hóa có thể chuyển hàng từ kho này đến kho khác
Preconditions	Quản lý hàng hóa đã đăng nhập
Postconditions	Hàng chuyển đi
Trigger	Quản lý hàng hóa chọn "Quản lý hàng hóa"
Normal flow	<ul style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách hàng hóa 2. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn hàng muốn xuất 3. Thông tin chi tiết hàng được hiển thị 4. Quản lý hàng hóa tìm kiếm và chọn kho muốn xuất 5. Hệ thống hiển thị biểu mẫu thông tin quy trình 6. Quản lý hàng hóa nhập thông tin 7. Quản lý hàng hóa chọn "Thực hiện" 8. Hệ thống cập nhật thông tin
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 41: *Đặc tả use-case Nhận trả hàng*

4.10 Quản lý đơn hàng

4.10.1 Xem thông tin đơn hàng trực tiếp

Use-case name	Xem thông tin đơn hàng trực tiếp
Actor	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh
Description	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh có thể xem thông tin các đơn hàng
Preconditions	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh đã đăng nhập



Postconditions	Nhận được thông tin đơn hàng
Trigger	Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh chọn "Quản lý đơn hàng"
Normal flow	1. Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh chọn khoảng thời gian muốn xem 2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng 3. Quản lý chi nhánh, trưởng chi nhánh tìm và chọn đơn muốn xem 4. Hệ thống hiển thị thông tin đơn hàng
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 42: *Đặc tả use-case Xem thông tin đơn hàng trực tiếp*

4.10.2 Xem thông tin đơn hàng trực tuyến

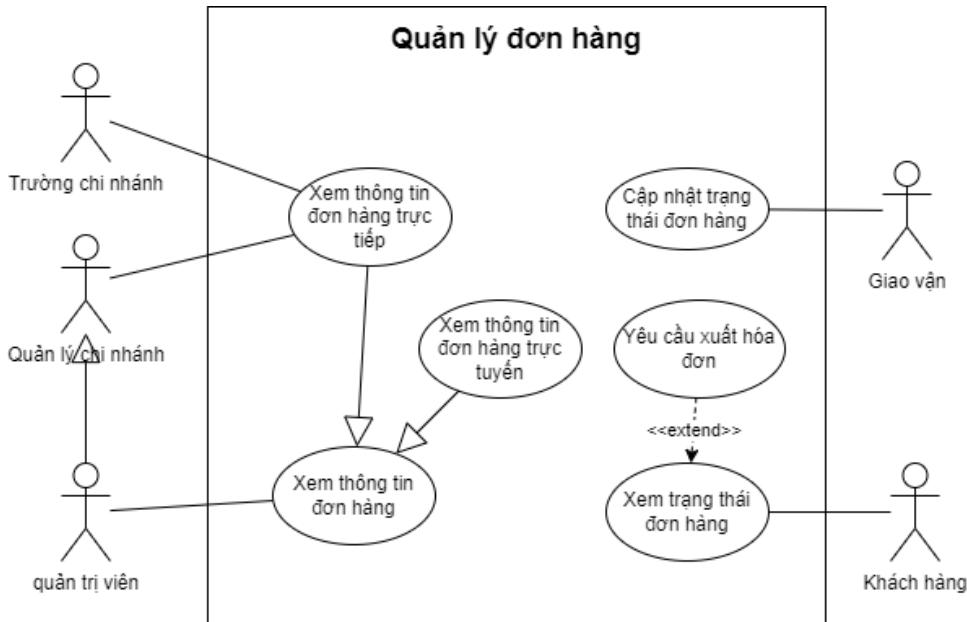
Use-case name	Xem thông tin đơn hàng trực tuyến
Actor	Quản trị viên
Description	Quản trị viên có thể xem thông tin các đơn hàng trực tuyến
Preconditions	Quản trị viên đã đăng nhập
Postconditions	Nhận được thông tin đơn hàng
Trigger	Quản trị viên chọn "Đơn hàng trực tuyến" trong "Quản lý đơn hàng"
Normal flow	1. Quản trị viên chọn khoảng thời gian muốn xem 2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng 3. Quản trị viên tìm và chọn đơn muốn xem 4. Hệ thống hiển thị thông tin đơn hàng
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 43: *Đặc tả use-case Xem thông tin đơn hàng trực tuyến*

4.10.3 Cập nhật trạng thái đơn hàng

Use-case name	Cập nhật trạng thái đơn hàng.
Actor	Giao vận.
Description	Bên giao vận gửi trạng thái cập nhật đơn hàng khi có sự thay đổi trạng thái ngoài thực tế.
Preconditions	Bên giao vận gửi trạng thái cập nhật của đơn hàng.
Postconditions	Hệ thống ghi nhận trạng thái mới của đơn hàng.
Trigger	Không.
Normal flow	1. Bên giao vận gửi trạng thái cập nhật của đơn hàng 2. Hệ thống ghi nhận cập nhật lại trạng thái mới cho đơn hàng.
Alternative flow	Không
Exceptions	Không

Bảng 44: *Đặc tả use-case cập nhật trạng thái đơn hàng*



Hình 10: Use case quản lý đơn hàng

4.10.4 Xem trạng thái đơn hàng

Use-case name	Xem trạng thái đơn hàng.
Actor	Khách hàng.
Description	Khách hàng xem trạng thái hiện tại của đơn hàng.
Preconditions	Khách hàng đã đăng nhập.
Postconditions	Khách hàng xem được trạng thái hiện tại của đơn hàng mà khách hàng muốn xem.
Trigger	Không.
Normal flow	<ol style="list-style-type: none"> Khách hàng chọn vào mục "Quản lý đơn hàng". Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng ở tab mặc định chưa giao hàng. Khách hàng lựa chọn đơn hàng mà mình muốn xem thông tin và nhấn vào đơn hàng đó. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về trạng thái đơn hàng. Người dùng xem kết quả trạng thái đơn hàng mà mình muốn.
Alternative flow	<ol style="list-style-type: none"> Khách hàng muốn xem các đơn hàng đã giao. <ol style="list-style-type: none"> Khách hàng chọn mục "Đơn đã giao". Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng đã giao của khách hàng. Quay lại bước 3.
Exceptions	Không

Bảng 45: Đặc tả use-case xem trạng thái đơn hàng

4.10.5 Yêu cầu xuất hóa đơn

Use-case name	Yêu cầu xuất hóa đơn.
Actor	Khách hàng.
Description	Khách hàng yêu cầu hệ thống xuất hóa đơn cho đơn hàng online.
Preconditions	Khách hàng đã từng mua hàng thành công trên trang bán hàng online.
Postconditions	Hệ thống gửi khách hàng hóa đơn của đơn hàng tương ứng.
Trigger	Không.



Normal flow	<ol style="list-style-type: none">Khách hàng chọn vào mục "Quản lý đơn hàng".Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng ở tab mặc định chưa giao hàng.Khách hàng chọn mục "Đơn đã giao".Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng đã giao của khách hàng.Khách hàng lựa chọn đơn hàng mà mình muốn xem thông tin và nhấn vào đơn hàng đó sau đó chọn "Yêu cầu xuất hóa đơn".Hệ thống thông báo kết quả và trả về tệp hóa đơn cho khách hàng.Người dùng xem kết quả trong tệp hóa đơn.
Alternative flow	Không
Exceptions	<ol style="list-style-type: none">Hệ thống tạo hóa đơn thất bại.<ol style="list-style-type: none">Quay lại bước 3.

Bảng 46: *Detailed description of the use-case for generating an invoice*



5 Thiết kế lược đồ BPMN



6 Kiến trúc hệ thống

- 6.1 Tổng quan
- 6.2 Tầng UI
- 6.3 Tầng API
- 6.4 Tầng service

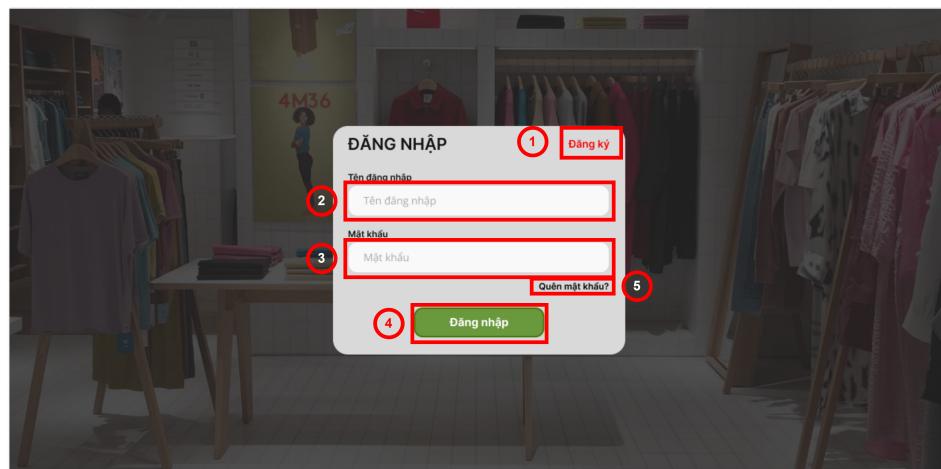


7 Thiết kế cơ sở dữ liệu

8 Thiết kế giao diện

8.1 Giao diện chung

8.1.1 Đăng nhập



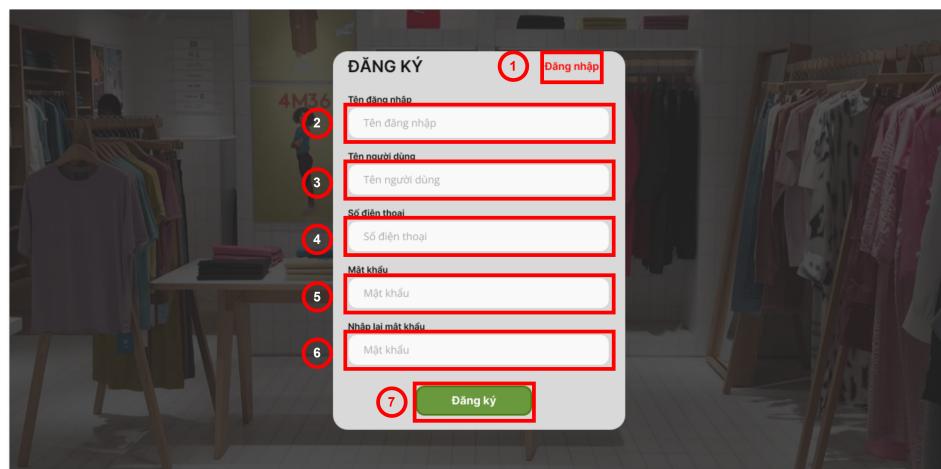
Hình 11: Giao diện đăng nhập

Mô tả:

1. Chọn để chuyển tới trang đăng ký tài khoản.
2. Nhập tên đăng nhập của tài khoản.
3. Nhập mật khẩu của tài khoản.
4. Chọn để thực hiện đăng nhập tài khoản, nếu thông tin tài khoản đúng thì sẽ được đưa đến giao diện mặc định cho tài khoản.
5. Chọn "Quên mật khẩu" khi không nhớ mật khẩu của tài khoản để chuyển trang sang trang lấy lại mật khẩu.

8.2 Giao diện người dùng

8.2.1 Đăng ký

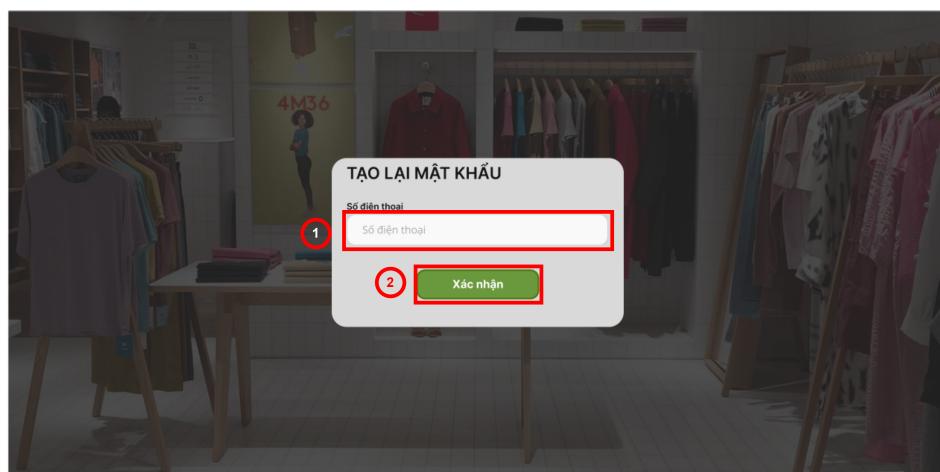


Hình 12: Giao diện đăng ký tài khoản người dùng

Mô tả:

1. Chọn để chuyển tới trang đăng nhập.
2. Nhập tên đăng nhập của tài khoản.
3. Nhập tên của người dùng.
4. Nhập số điện thoại của người dùng.
5. Nhập mật khẩu của tài khoản.
6. Nhập lại mật khẩu của tài khoản.
7. Chọn để thực hiện đăng ký tài khoản, nếu đăng ký thành công thì chuyển tới trang đăng nhập.

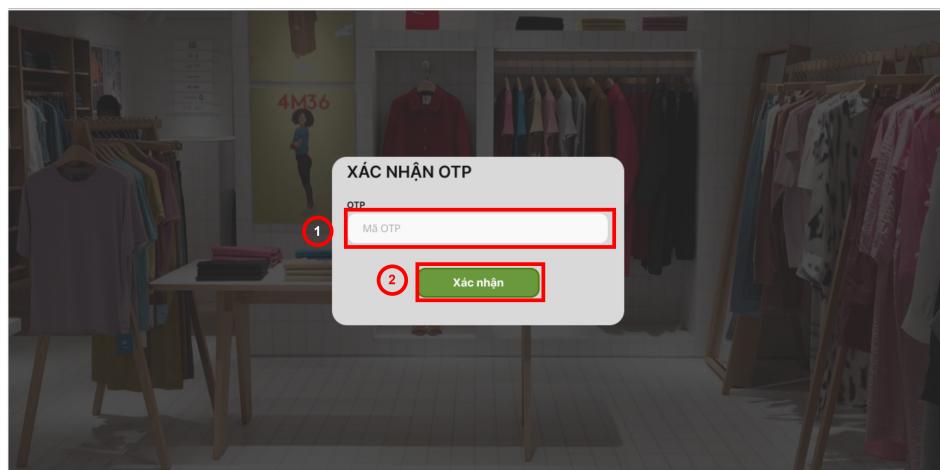
8.2.2 Tạo lại mật khẩu



Hình 13: Giao diện tạo lại mật khẩu người dùng

Mô tả:

1. Người dùng nhập số điện thoại của tài khoản.
2. Người dùng chọn để hệ thống gửi xác nhận tin nhắn OTP và chuyển tới trang xác nhận OTP.



Hình 14: Giao diện xác nhận OTP

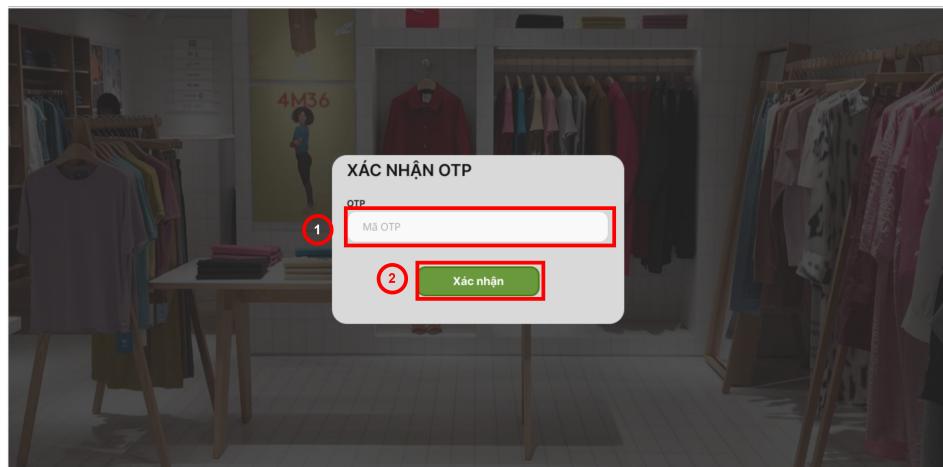
Mô tả:

1. Người dùng nhập OTP đã được gửi qua tin nhắn.

- Người dùng chọn để hệ thống xác nhận và thông tin hợp lệ sẽ được chuyển đến trang tạo lại mật khẩu mới.

Mô tả:

- Người dùng nhập số điện thoại của tài khoản.
- Người dùng chọn để hệ thống gửi xác nhận tin nhắn OTP và chuyển tới trang xác nhận OTP.



Hình 15: Giao diện tạo lại mật khẩu mới

Mô tả:

- Người dùng nhập mật khẩu mới cho tài khoản.
- Người dùng nhập lại mật khẩu mới cho tài khoản.
- Người dùng chọn "Xác nhận" để cập nhật lại mật khẩu mới cho tài khoản.

8.2.3 Header



Hình 16: Giao diện phần header

Mô tả:

- Chọn để chuyển tới trang chủ.
- Nhập tên sản phẩm cần tìm và nhấn enter để tìm kiếm sản phẩm.
- Chọn để chuyển đến trang quản lý lịch sử đơn hàng đã thực hiện.
- Chọn để chuyển đến trang quản lý giỏ hàng.
- Chọn để đăng nhập.
- Chọn để chuyển đến trang giới thiệu về hệ thống cửa hàng.
- Chọn để truyền đến trang tất cả sản phẩm.
- Chọn để truyền đến trang tất cả sản phẩm với lựa chọn lọc săn là sản phẩm dành cho nam.



9. Chọn để truyền đến trang tất cả sản phẩm với lựa chọn lọc săn là sản phẩm dành cho nữ.
10. Chọn để truyền đến trang tất cả sản phẩm với lựa chọn lọc săn là sản phẩm dành cho trẻ em.
11. Chọn để truyền đến trang tất cả sản phẩm với lựa chọn lọc săn là sản phẩm thuộc dòng phụ kiện.
12. Chọn để truyền đến trang các sản phẩm mới về.
13. Chọn để truyền đến trang các sản phẩm đang được flash sale.
14. Chọn để truyền đến trang hỗ trợ cho khách hàng.

8.2.4 Footer



Hình 17: Giao diện phần footer

Mô tả:

1. Chọn để chuyển tới trang chủ.
2. Chọn để truyền đến trang tất cả sản phẩm.
3. Chọn để truyền đến trang hỗ trợ cho khách hàng.
4. Chọn để chuyển đến trang giới thiệu về hệ thống cửa hàng.
5. Chọn để xem hướng dẫn chọn size.
6. Chọn để chuyển đến trang quản lý lịch sử đơn hàng đã thực hiện.



8.2.5 Trang chủ

The screenshot shows the homepage of a website named "FASHION". At the top, there is a navigation bar with links for "Giới thiệu", "Tất cả sản phẩm", "Nam", "NG", "Trẻ em", "Phụ kiện", "Món quà", "Flash Sale", and "Hỗ trợ". There is also a search bar labeled "Tìm kiếm..." and buttons for "Quản lý đơn hàng", "Giỏ hàng", and "Đăng nhập".

The main content area features several sections:

- EVENT**: A large grey banner with arrows on either side.
- SẢN PHẨM BÁN CHẠY NHẤT**: A section showing four products, each with a red box around it. Product 1 is highlighted with a red circle and a number "1". Product 2 is highlighted with a red circle and a number "2".
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887011: 250.000 đ (600.000đ -50%)
- SẢN PHẨM MỚI**: A section showing four new products.
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887011: 250.000 đ (600.000đ -50%)
- THỜI TRANG NAM**: A section showing four men's clothing items.
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887011: 250.000 đ (600.000đ -50%)
- THỜI TRANG NỮ**: A section showing four women's clothing items.
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887011: 250.000 đ (600.000đ -50%)
- THỜI TRANG TRẺ EM**: A section showing four children's clothing items.
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887011: 250.000 đ (600.000đ -50%)
- PHỤ KIỆN**: A section showing four accessories items.
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887013: 250.000 đ (600.000đ -50%)
 - Áo khoác thời trang nam nữ 220887011: 250.000 đ (600.000đ -50%)
- FASHION**: A footer section with address, contact information, and social media links.
 - 268 Lý Thường Kiệt, Quận 10, Tp.HCM
 - 0867742135
 - sp_pfashion1@gmail.com
 - [Facebook](#) [Instagram](#) [Twitter](#)
 - Về chúng tôi
 - Trang chủ
 - Sản phẩm
 - Hỗ trợ
 - Truy cập nhanh
 - Giới thiệu
 - Hướng dẫn chọn size
 - Quản lý đơn hàng

Hình 18: Giao diện trang chủ khi người dùng truy cập vào trang web

Mô tả:



1. Chọn để xem thông tin chi tiết của sản phẩm.
2. Chọn để thêm nhanh sản phẩm vào giỏ hàng.

8.2.6 Thông tin chi tiết sản phẩm

Áo khoác thời trang nam nữ 2208B7013

Mã hàng: 2208B7013
Loại: Áo khoác
Tình trạng: Còn hàng
Màu sắc: Trắng (highlighted), Xanh (disabled), Đỏ (disabled)
Size: S, M (highlighted), L, XL, XXL
250.000đ -50%
800.000đ -50%

Mô tả

Áo khoác thời trang nam nữ 2208B7013 được làm từ sợi nilong và đầm bảo cho bạn một mùa đông ấm áp

FASHION
268 Lý Thường Kiệt, Quận 10, Tp.HCM
0867742135
sp.pfashion1@gmail.com
[f](#) [i](#) [t](#)

Về chúng tôi
Trang chủ
Sản phẩm
Hỗ trợ

Truy cập nhanh
Giới thiệu
Hướng dẫn chọn size
Quản lý đơn hàng

Hình 19: Giao diện thông tin chi tiết của sản phẩm

Mô tả:

1. Chọn màu của sản phẩm mà người dùng muốn.
2. Chọn size của sản phẩm mà người dùng muốn.
3. Chọn để giảm số lượng mà người dùng muốn.
4. Chọn để tăng số lượng mà người dùng muốn.
5. Nhập để thay đổi số lượng mà người dùng muốn.
6. Chọn để xem hướng dẫn chọn size cho sản phẩm.
7. Chọn để thêm sản phẩm với màu sắc, size và số lượng mà người dùng đã chọn.
8. Chọn để xem ảnh chi tiết mà người dùng muốn.



The screenshot shows a product page for a men's quilted jacket. At the top, there is a navigation bar with links for 'Giới thiệu', 'Tất cả sản phẩm', 'Nam', 'Nữ', 'Trẻ em', 'Phụ kiện', 'Mới về', 'Flash Sale', and 'Hỗ trợ'. Below the navigation bar, the breadcrumb navigation shows 'Trang chủ / Tất cả sản phẩm / Áo khoác thời trang nam nữ 2208B7013'. A search bar and a cart icon with a notification '2' are also present.

A modal window titled 'Hướng dẫn chọn size' (Size selection guide) is displayed. It contains a table with size conversion measurements:

SIZE	S	M	L	XL	2XL	3XL	4XL
Vòng ngực (cm)	79-82	83-86	87-90	91-94	95-98	99-102	103-106
Vòng eo (cm)	65-68	69-72	73-76	77-80	81-84	85-88	89-92
Vòng mông (cm)	85-88	89-92	93-96	97-100	101-104	105-108	109-112

Below the table, there are three small images of the jacket in different colors: grey, black, and blue.

The page footer contains the 'FASHION' logo, address '268 Lý Thường Kiệt, Quận 10, Tp.HCM', phone number '0867742135', email 'sp.pfashion1@gmail.com', and social media icons for Facebook, Instagram, and Twitter. To the right, there are links for 'Về chúng tôi', 'Trang chủ', 'Sản phẩm', 'Hỗ trợ', 'Truy cập nhanh', 'Giới thiệu', 'Hướng dẫn chọn size', and 'Quản lý đơn hàng'.

Hình 20: Giao diện hướng dẫn chọn size cho sản phẩm



8.2.7 Giỏ hàng

The screenshot shows the shopping cart interface of the FASHION website. The cart contains three items:

- Áo khoác thời trang nam nữ 220B87013 (Size S, Giá: 250.000đ)
- Áo khoác thời trang nữ 220B7013 (Size M, Giá: 250.000đ)
- Áo khoác thời trang nữ 220 (Size S, Giá: 250.000đ)

Below the cart, there is a field for entering a discount code (Mã giảm giá) with an apply button (Áp dụng). The total amount is displayed as 500.000đ. At the bottom right is a large green "Thanh toán" (Checkout) button.

Hình 21: Giao diện quản lý giỏ hàng.

Mô tả:

- Chọn để loại sản phẩm khỏi danh sách muốn đặt hàng.
- Chọn để xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.
- Chọn để giảm số lượng mà người dùng muốn.
- Chọn để tăng số lượng mà người dùng muốn.
- Nhập để thay đổi số lượng mà người dùng muốn.
- Chọn để thêm sản phẩm vào danh sách muốn đặt hàng.
- Nhập mã giảm giá.
- Chọn để áp dụng mã giảm giá.
- Chọn để thực hiện thanh toán để đặt hàng.

8.2.8 Thanh toán

Mô tả:

- Nhập tên người nhận hàng.
- Nhập số điện thoại người nhận hàng.



The screenshot shows the FASHION e-commerce website's checkout process. The top navigation bar includes links for Giới thiệu, Tất cả sản phẩm, Nam, Nữ, Trẻ em, Phụ kiện, Mới về, Flash Sale, and Hỗ trợ. The right side of the header features links for Quản lý đơn hàng, Giỏ hàng (with a notification count of 2), and Đăng nhập.

The main content area starts with a "Thông tin của bạn" (Customer Information) section where users enter their Name (1), Phone number (2), and Email (3). Below this is a "Địa chỉ nhận hàng" (Delivery Address) section with dropdown menus for Tỉnh / thành phố (4), Quận / huyện (5), and Phường / xã (6), and a text field for Địa chỉ (7).

To the right, a "Đơn hàng" (Order) summary lists two items: a áo khoác thời trang nam (size M, 250,000đ) and áo thời trang nữ (size S, 250,000đ). It also shows a discount of 50,000đ, a delivery fee of 30,000đ, and a total amount of 530,000đ.

The next section, "Phương thức thanh toán" (Payment Method), offers Thanh toán trực tuyến (8) and Thanh toán khi nhận hàng (cod) (9). Below this are payment method icons for VNPay (10) and Momo (11).

A "Thông tin thêm" (Additional Information) section (12) contains a note field asking users to add any additional comments they need.

The "Confirmation" section (13) includes a checkbox for accepting terms and conditions and a large green "Đặt hàng" (Place Order) button (16).

Hình 22: Giao diện thanh toán.

3. Nhập địa chỉ email người nhận hàng.
4. Nhập địa chỉ tỉnh/thành nhận hàng.
5. Nhập địa chỉ quận/huyện nhận hàng.
6. Nhập địa chỉ phường/xã nhận hàng.
7. Nhập địa chỉ số nhà, tên đường nhận hàng.
8. Chọn để thực hiện thanh toán trực tuyến.
9. Chọn để thực hiện thanh toán trực tiếp khi nhận hàng.
10. Chọn để thực hiện thanh toán trực tuyến thông qua VNPay.
11. Chọn để thực hiện thanh toán trực tuyến thông qua Momo.
12. Nhập để thêm ghi chú cho đơn hàng.
13. Chọn để xác nhận đồng ý điều khoản mua hàng.
14. Nhập mã giảm giá.
15. Chọn để kiểm tra mã giảm giá và áp dụng giảm giá vào đơn hàng.
16. Chọn để xác nhận đặt hàng, nếu chọn thanh toán trực tuyến thì sẽ được chuyển đến trang thanh toán của bên thứ ba mà người dùng chọn, nếu chọn thanh toán khi nhận hàng thì đơn hàng sẽ được hoàn tất khi tất cả thông tin hợp lệ.

8.2.9 Giao diện quản lý đơn hàng

The screenshot shows the 'FASHION FLASH' website's order management section. At the top, there's a navigation bar with links for 'Giới thiệu', 'Tất cả sản phẩm', 'Nam', 'Nữ', 'Trẻ em', 'Phụ kiện', 'Mới về', 'Flash Sale', and 'Hỗ trợ'. Below the navigation is a search bar and a breadcrumb trail: 'Trang chủ / Quản lý đơn hàng'. The main content area is titled 'Chưa nhận hàng' (Not Received) and 'Đã nhận hàng' (Received). A red circle labeled '1' is over the 'Đã nhận hàng' button. Another red circle labeled '2' is over the 'Đơn #38928345' link. A third red circle labeled '3' is over the 'Mua lại' button next to the second order. The page lists three shipped orders:

Đơn #	Tên đơn hàng	Mô tả	Giá
Đơn #38928345	Đơn hàng đã xuất kho Quận Bình Thạnh	Áo khoác thời trang nam nữ 220887013 Màu sắc: Trắng Size: M Số lượng: 1	250.000 đ
Đơn #38928346	Đơn hàng đã xuất kho Quận Bình Thạnh	Áo khoác thời trang nam nữ 220887013 Màu sắc: Trắng Size: M Số lượng: 1	250.000 đ
Đơn #38928347	Đơn hàng đã xuất kho Quận Bình Thạnh	Áo khoác thời trang nam nữ 220887013 Màu sắc: Trắng Size: M Số lượng: 1	250.000 đ

FASHION

268 Lý Thường Kiệt, Quận 10, Tp.HCM
0867742135
sp.pfashion1@gmail.com

Về chúng tôi
Trang chủ
Sản phẩm
Hỗ trợ

Truy cập nhanh
Giới thiệu
Hướng dẫn chọn size
Quản lý đơn hàng

[Mua lại](#)

Hình 23: Giao diện quản lý đơn hàng của khách hàng.

Mô tả:

1. Chọn để xem danh sách các đơn hàng đã nhận.
2. Chọn để xem thông tin chi tiết của đơn hàng.
3. Chọn để thực hiện thêm lại các sản phẩm của đơn hàng vào giỏ hàng.



8.2.10 Giao diện chi tiết đơn hàng

ID đơn hàng: 38928345

Xuất hóa đơn 1

Đơn #38928345

Chuẩn bị hàng Chờ lấy hàng Giao vận đã lấy Đang giao Đã giao

Địa chỉ nhận hàng

Trần Phong
0867742135
163 đường Lương Định Của, phường
Đông Hòa, Dĩ An, Bình Dương

15:35 17-10-2022 Đơn hàng đã đến kho Bưu Cục
90 Bà Hom-Q.6-HCM

15:35 16-10-2022 Đang chờ lấy hàng

Áo khoác thời trang nam nữ
220887013
Màu sắc: Trắng
Size: M
Số lượng: 1

250.000 đ

Tổng tiền hàng	250.000 đ
Phí vận chuyển	30.000 đ
Giảm giá	-0 đ
Tổng số tiền	280.000 đ
Phương thức thanh toán	Ví điện tử Momo

FASHION

Về chúng tôi Truy cập nhanh

268 Lý Thường Kiệt, Quận 10, Tp.HCM

Trang chủ Giới thiệu

0867742135 Sản phẩm Hướng dẫn chọn size

sp.pfashion1@gmail.com Hỗ trợ Quản lý đơn hàng

f i t

Hình 24: Giao diện xem chi tiết đơn hàng của khách hàng.

Mô tả:

- Chọn để xuất hóa đơn cho đơn hàng.

8.2.11 Giao diện thông tin khách hàng

Mô tả:

- Nhập để thay đổi tên của khách hàng.
- Nhập để thay đổi email của khách hàng.
- Chọn để thực hiện thay đổi mật khẩu của khách hàng.
- Nhập để thay đổi số nhà, đường của địa chỉ mặc định mà khách hàng muốn nhận hàng.
- Chọn để thay đổi phường/xã của địa chỉ mặc định mà khách hàng muốn nhận hàng.
- Chọn để thay đổi quận/huyện của địa chỉ mặc định mà khách hàng muốn nhận hàng.
- Chọn để thay đổi tỉnh/thành phố của địa chỉ mặc định mà khách hàng muốn nhận hàng.
- Chọn để thay đổi ảnh đại hình cho tài khoản của khách hàng.

Giao diện sau khi chọn "Đổi mật khẩu": Mô tả:

- Nhập để điền mật khẩu cũ.



The screenshot shows a web page for 'FASHION FLASH'. At the top, there is a navigation bar with links for 'Giới thiệu', 'Tất cả sản phẩm', 'Nam', 'Nữ', 'Trẻ em', 'Phụ kiện', 'Mới về', 'Flash Sale', and 'Hỗ trợ'. Below the navigation bar, a search bar says 'Tim kiếm ...' and buttons for 'Quản lý đơn hàng', 'Giỏ hàng' (with a red notification '2'), and 'Đăng nhập'.

The main content area displays a list of orders. The first order is highlighted with a red box and numbered '1'. It shows the status 'Đã nhận hàng' (Received) and the order number 'Đơn #38928345'. A note says 'Đơn hàng đang được chờ giao cho đơn vị vận ...' (The order is being held by the delivery unit ...) and a 'Mua lại' (Buy again) button. The second order is numbered '2' and the third is numbered '3'. Each order item is a grey jacket with the following details:

Áo khoác thời trang nam nữ	2208B7013	250.000 đ
Màu sắc:	Trắng	600.000 đ
Size:	M	
Số lượng:	1	

At the bottom of the page, there is a footer with the 'FASHION' logo, address '268 Lý Thường Kiệt, Quận 10, Tp.HCM', phone number '0867742135', email 'sp.pfashion1@gmail.com', and social media icons for Facebook, Instagram, and Twitter. There are also links for 'Về chúng tôi', 'Trang chủ', 'Sản phẩm', 'Hỗ trợ', 'Truy cập nhanh', 'Giới thiệu', 'Hướng dẫn chọn size', and 'Quản lý đơn hàng'.

Hình 25: Giao diện xem thông tin tài khoản của khách hàng.



FASHION

Tìm kiếm ...

Quản lý đơn hàng 2 Giỏ hàng Đăng nhập

Giới thiệu Tất cả sản phẩm Nam Nữ Trẻ em Phụ kiện Mới về Flash Sale Hỗ trợ

Trang chủ / Quản lý đơn hàng

Chưa nhận hàng **Đã nhận hàng** ①

② Đơn #38928345 Đơn hàng đang được chờ giao cho đơn vị vận ... **Mua lại** ③

Áo khoác thời trang nam nữ
2208B7013
Màu sắc: Trắng
Size: M
Số lượng: 1

250.000 đ

Đơn #38928346 Đơn hàng đã xuất kho Quận Bình Thạnh **Mua lại**

Áo khoác thời trang nam nữ
2208B7013
Màu sắc: Trắng
Size: M
Số lượng: 1

250.000 đ

Áo khoác thời trang nam nữ
2208B7013
Màu sắc: Trắng
Size: M
Số lượng: 1

250.000 đ

FASHION

Về chúng tôi

Trang chủ

Sản phẩm

Hỗ trợ

Truy cập nhanh

Giới thiệu

Hướng dẫn chọn size

Quản lý đơn hàng

268 Lý Thường Kiệt, Quận 10, Tp.HCM

0867742135

sp.pfashion1@gmail.com

[f](#) [@](#) [t](#)

Hình 26: Giao diện đổi mật khẩu cho tài khoản.



2. Nhập để điền mật khẩu mới.
3. Nhập để điền xác nhận mật khẩu mới.
4. Chọn để xác nhận thay đổi mật khẩu.
5. Chọn để tắt màn hình khi không muốn thay đổi mật khẩu nữa.

8.3 Giao diện quản trị viên

8.3.1 Chung

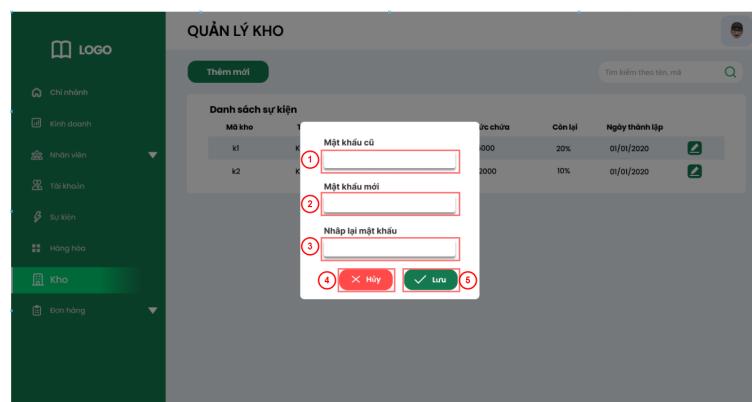


Hình 27: Giao diện phần chung cho quản trị viên

Mô tả:

1. Chọn để đến "quản lý chi nhánh".
2. Chọn để đến "quản lý hoạt động kinh doanh".
3. Chọn để đến "quản lý nhân viên".
4. Chọn để đến "quản lý tài khoản khách hàng".
5. Chọn để đến "quản lý sự kiện".
6. Chọn để đến "quản lý hàng hóa".
7. Chọn để đến "quản lý kho".
8. Chọn để đến "quản lý đơn hàng".
9. Chọn để đổi mật khẩu.
10. Chọn để đăng xuất.

8.3.1.a Thay đổi mật khẩu



Hình 28: Giao diện cập nhật mật khẩu

Mô tả:

1. Nhập mật khẩu cũ
2. Nhập mật khẩu mới
3. Nhập lại mật khẩu mới
4. Hủy cập nhật mật khẩu
5. Cập nhật mật khẩu

8.3.2 Quản lý chi nhánh

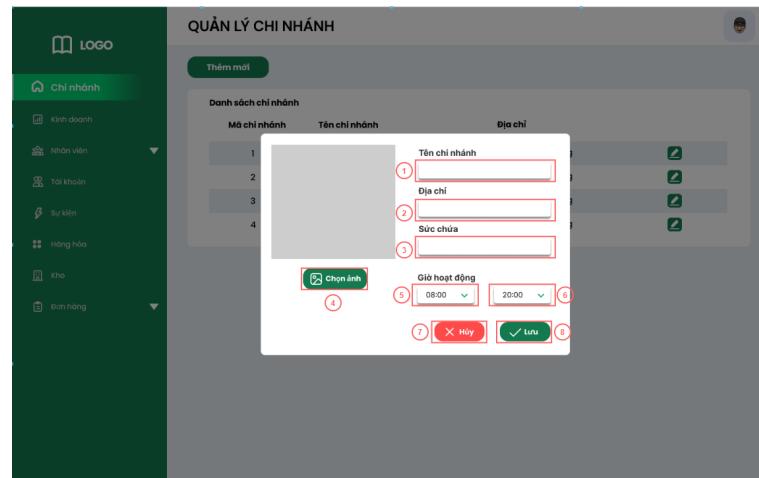


Hình 29: Giao diện quản lý chi nhánh

Mô tả:

1. Chọn để hiện form "thêm chi nhánh" mới
2. Chọn để hiện form "chỉnh sửa chi nhánh"
3. Chọn để xem thông tin "chi tiết chi nhánh"

8.3.2.a Thêm, chỉnh sửa chi nhánh



Hình 30: Giao diện form thêm, chỉnh sửa chi nhánh

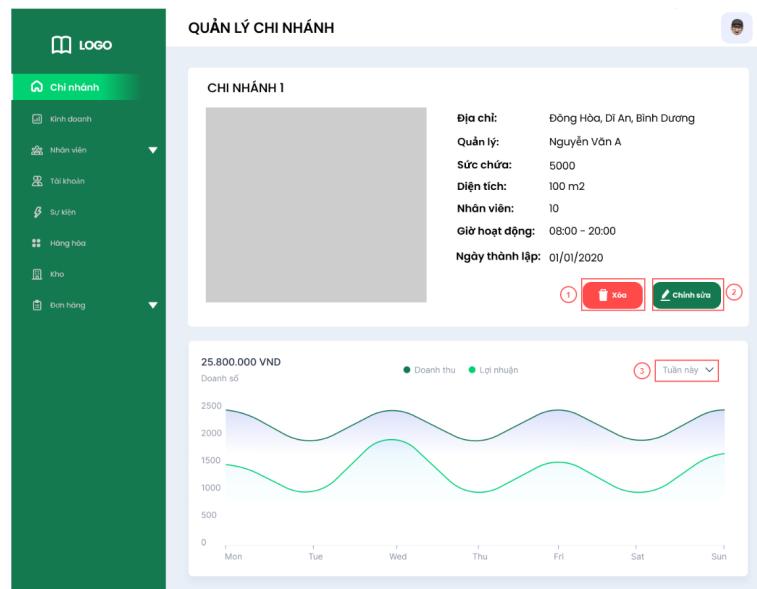
Mô tả:

1. Diền tên chi nhánh
2. Diền địa chỉ chi nhánh
3. Diền sức chứa chi nhánh
4. Chọn ảnh cho chi nhánh



5. Chọn giờ mở cửa của chi nhánh
6. Chọn giờ đóng cửa chi nhánh
7. Chọn để hủy hoạt động
8. Chọn để lưu thêm mới, chỉnh sửa chi nhánh

8.3.2.b Thông tin chi tiết chi nhánh



Hình 31: Giao diện thông tin chi tiết chi nhánh

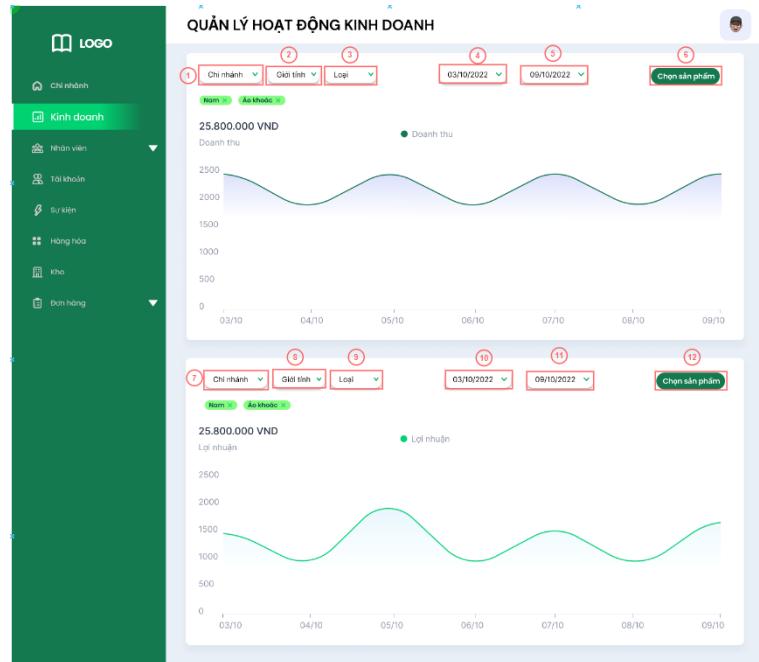
Mô tả:

1. Chọn để xóa chi nhánh
2. Chọn để hiện thị form "chỉnh sửa chi nhánh"
3. Chọn thời gian để hiện thị biểu đồ hoạt động tổng quát

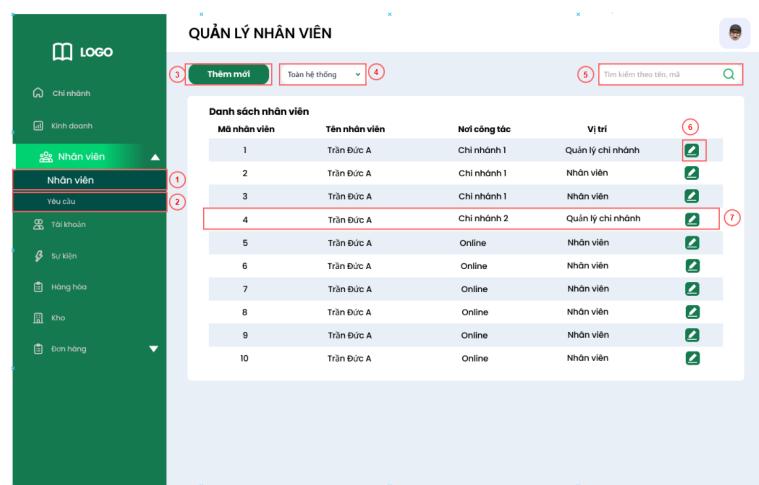
8.3.3 Quản lý hoạt động kinh doanh

Mô tả:

1. Chọn để lọc doanh thu theo chi nhánh
2. Chọn để lọc doanh thu theo giới tính
3. Chọn để lọc doanh thu theo loại hàng
4. Chọn để xác định thời gian bắt đầu tính doanh thu
5. Chọn để xác định thời gian kết thúc tính doanh thu
6. Chọn để chọn sản phẩm để xem thống kê doanh thu
7. Chọn để lọc lợi nhuận theo chi nhánh
8. Chọn để lọc lợi nhuận theo giới tính
9. Chọn để lọc lợi nhuận theo loại hàng
10. Chọn để xác định thời gian bắt đầu tính lợi nhuận
11. Chọn để xác định thời gian kết thúc tính lợi nhuận
12. Chọn để chọn sản phẩm để xem thống kê lợi nhuận



Hình 32: Giao diện quản lý hoạt động kinh doanh



Hình 33: Giao diện quản lý nhân viên



8.3.4 Quản lý nhân viên

Mô tả:

1. Chọn để xem quản lý nhân viên
2. Chọn để xem yêu cầu từ cấp dưới gửi lên
3. Chọn để thêm nhân viên mới
4. Chọn để lọc nhân viên theo chi nhánh
5. Nhập để tìm kiếm nhân viên theo mã, tên
6. Chọn để xem thông tin chi tiết nhân viên

8.3.4.a Thêm, chỉnh sửa nhân viên

Hình 34: Giao diện thêm, chỉnh sửa nhân viên

Mô tả:

1. Nhập họ tên nhân viên
2. Chọn ngày sinh nhân viên
3. Nhập quê quán nhân viên
4. Nhập căn cước nhân viên
5. Nhập số điện thoại nhân viên
6. Nhập địa chỉ nhân viên
7. Chọn nơi làm việc nhân viên
8. Chọn vị trí nhân viên
9. Nhập lương nhân viên
10. Chọn hủy hoạt động
11. Chọn lưu nhân viên mới, thông tin chỉnh sửa

8.3.4.b Thông tin chi tiết nhân viên

Mô tả:

1. Chọn để xóa nhân viên
2. Chọn để hiện thị form chỉnh sửa nhân viên
3. Chọn tháng để xem lịch làm việc của nhân viên



QUẢN LÝ NHÂN VIÊN

TRẦN ĐỨC A

Mã nhân viên:	1	Nơi làm việc:	Chi nhánh I
Căn cước:	I23456789	Vị trí:	Quản lý chi nhánh
Số điện thoại:	I23456789	Lương:	20.000.000 VND
Địa chỉ:	Đông Hòa, Dĩ An, Bình Dương	Ngày bắt đầu:	01/01/2020
Ngày sinh:	01/01/1990	Tài khoản:	Atranl
Quê quán:	Hồ Chí Minh		

Xóa | Chỉnh sửa |

Điểm danh Ngày	Số ngày làm: 7	Số ngày nghỉ: 1	Thời gian làm
1 - T7	08:00	17:00	9.0
2 - CN			Nghỉ
3 - T2	08:00	17:00	9.0
4 - T3	08:00	17:00	9.0
5 - T4	08:00	17:00	9.0
6 - T5	08:00	17:00	9.0
7 - T6	08:00	17:00	9.0
8 - T7	08:00	17:00	9.0
9 - CN			

Hình 35: Giao diện thông tin chi tiết nhân viên

QUẢN LÝ NHÂN VIÊN

Yêu cầu thêm

Tên nhân viên	Nơi công tác	Vị trí	Lương
Trần Đức A	Chi nhánh I	Quản lý chi nhánh	10.000.000
Trần Đức A	Chi nhánh I	Quản lý chi nhánh	10.000.000

Yêu cầu xóa

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Nơi công tác	Vị trí
1	Trần Đức A	Chi nhánh I	Quản lý chi nhánh
2	Trần Đức A	Chi nhánh I	Nhân viên

Hình 36: Giao diện quản lý yêu cầu nhân viên

8.3.4.c Quản lý yêu cầu nhân viên

Mô tả:

1. Chọn để duyệt yêu cầu
2. Chọn để xóa yêu cầu

8.3.4.d Yêu cầu thêm nhân viên

Hình 37: Giao diện yêu cầu thêm nhân viên

Mô tả:

1. Nhập họ tên nhân viên
2. Chọn ngày sinh nhân viên
3. Nhập quê quán nhân viên
4. Nhập căn cước nhân viên
5. Nhập số điện thoại nhân viên
6. Nhập địa chỉ nhân viên
7. Chọn nơi làm việc nhân viên
8. Chọn vị trí nhân viên
9. Nhập lương nhân viên
10. Chọn để duyệt yêu cầu
11. Chọn để xóa yêu cầu

8.3.4.e Yêu cầu xóa nhân viên

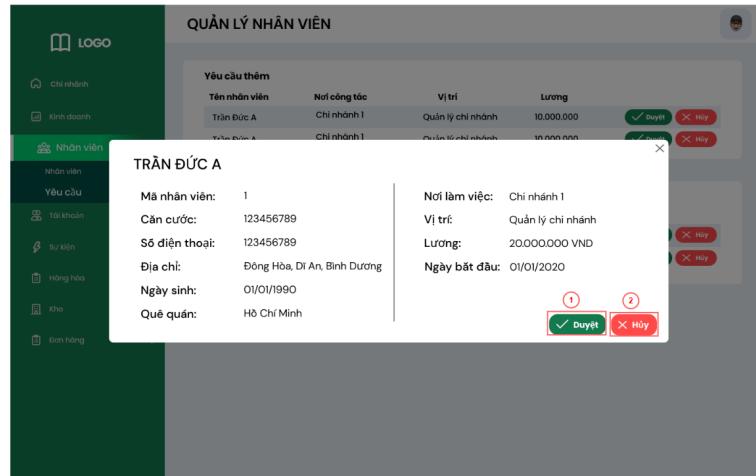
Mô tả:

1. Chọn để duyệt yêu cầu
2. Chọn để xóa yêu cầu

8.3.5 Quản lý tài khoản

Mô tả:

1. Nhập để tìm kiếm tài khoản theo Id, username
2. Chọn để xem "thông tin chi tiết tài khoản"



Hình 38: Giao diện yêu cầu xóa nhân viên



Hình 39: Giao diện quản lý tài khoản



Hình 40: Giao diện thông tin chi tiết tài khoản



8.3.5.a Thông tin chi tiết tài khoản

Mô tả:

- Chọn tháng xem danh sách đơn khách hàng
- Chọn để xem thông tin chi tiết đơn

8.3.5.b Thông tin chi tiết đơn hàng

Mã đơn hàng	bill-1	Trạng thái	Đã xong	
Ngày tạo	01/10/2022	Ngày hoàn thành	06/10/2022	
Số	Tên sản phẩm	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Áo sơ mi	200.000	1	200.000
2	Áo thun	50.000	4	200.000
				Tổng tiền
				400.000
				Thuế
				40.000
				Khuyến mãi
				0
				Tổng cộng
				440.000

Hình 41: Giao diện thông tin chi tiết tài khoản

8.3.6 Quản lý kho

Danh sách kho							
Mã kho	Tên kho	Địa chỉ	Sức chứa	Còn lại	Quản lý	Nhân viên	Ngày thành lập
k1	Kho 1	Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	5000	1000	Lê B	7	01/01/2020
k2	Kho 2	Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	2000	500	Lê B	4	01/01/2020

Hình 42: Giao diện quản lý kho

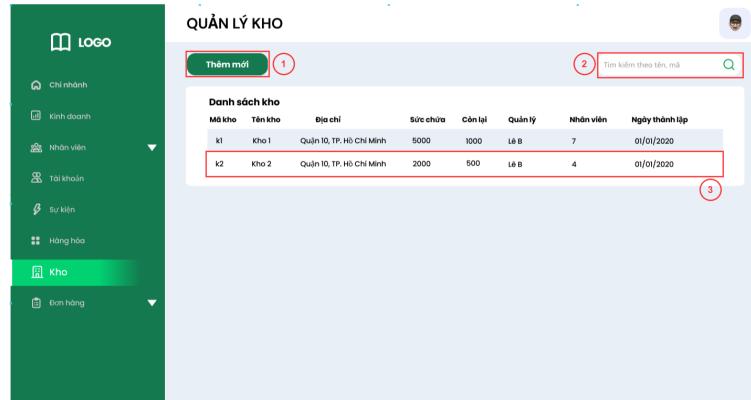
Mô tả:

- Chọn để hiện form tạo kho mới
- Nhập để tìm kiếm kho theo tên, mã
- Chọn để chỉnh sửa thông tin kho

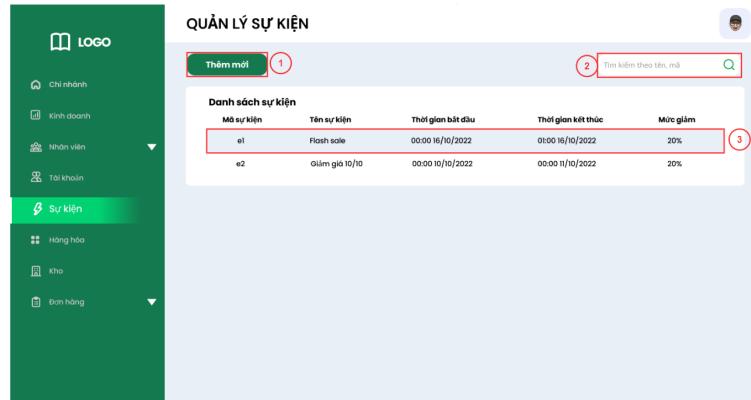
8.3.7 Thêm, chỉnh sửa thông tin kho

Mô tả:

- Nhập tên kho
- Nhập địa chỉ kho
- Nhập sức chứa kho



Hình 43: Giao diện thêm, chỉnh sửa thông tin kho



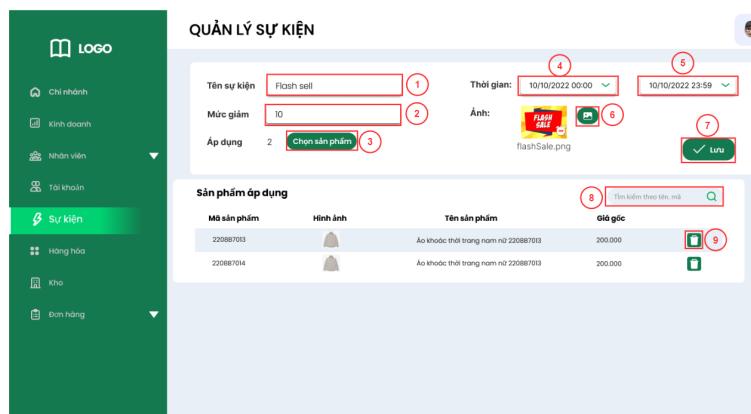
Hình 44: Giao diện quản lý sự kiện

8.3.8 Quản lý sự kiện

Mô tả:

- Chọn để thêm mới sự kiện
- Nhập để tìm kiếm sự kiện theo tên, mã
- Chọn để chỉnh sửa thông tin sự kiện

8.3.9 Thêm, chỉnh sửa thông tin sự kiện



Hình 45: Giao diện thêm, chỉnh sửa thông tin sự kiện

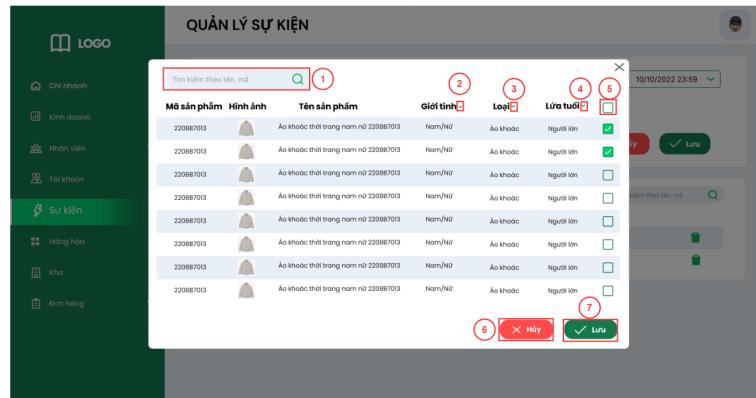
Mô tả:

- Nhập tên sự kiện
- Nhập mức giảm giá



3. Chọn để hiện danh sách sản phẩm
4. Chọn thời gian bắt đầu sự kiện
5. Chọn thời gian kết thúc sự kiện
6. Chọn ảnh cho sự kiện
7. Chọn lưu thay đổi thông tin
8. Nhập để tìm kiếm các hàng áp dụng sự kiện
9. Chọn để xóa hàng khỏi sự kiện

8.3.10 Chọn hàng cho sự kiện

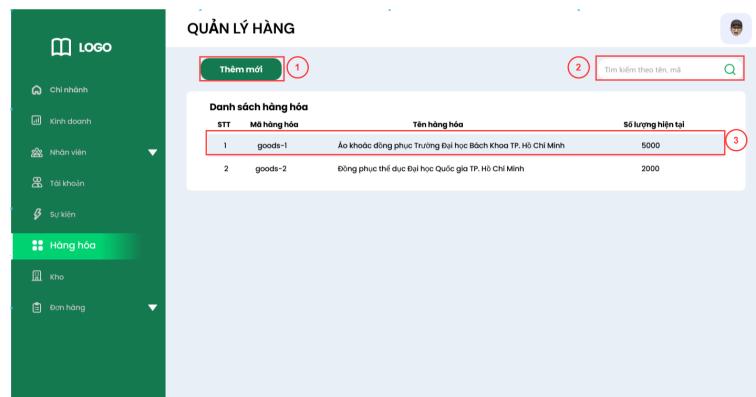


Hình 46: Giao diện chọn hàng cho sự kiện

Mô tả:

1. Nhập để tìm kiếm hàng theo tên, mã
2. Chọn để lọc hàng theo giới tính
3. Chọn để lọc hàng theo loại hàng
4. Chọn để lọc hàng theo lứa tuổi
5. Dánh dấu để chọn/bỏ chọn hàng
6. Chọn để hủy thay đổi
7. Chọn để lưu thay đổi

8.3.11 Quản lý hàng hóa



Hình 47: Giao diện quản lý hàng hóa

Mô tả:

1. Chọn thêm hàng hóa
2. Nhập để tìm kiếm hàng theo tên, mã
3. Chọn chỉnh sửa thông tin hàng hóa



8.3.11.a Chỉnh sửa thông tin hàng

The screenshot shows the 'QUẢN LÝ HÀNG' (Inventory Management) application. On the left is a sidebar with a logo and navigation links: 'Chỉ nhánh', 'Kinh doanh', 'Nhân viên', 'Tài khoản', 'Sự kiện', and 'Hàng hóa'. Under 'Hàng hóa', there are 'Kho' and 'Kiem hàng' options. The main right panel has a title 'QUẢN LÝ HÀNG' and a sub-section 'Mã hàng hóa: goods-1'. It contains fields for 'Tên' (1), 'Đơn giá' (2), 'Nhà cung cấp' (4), 'Giới tính' (5), 'Loại' (6), 'Lứa tuổi' (7), and a 'Chọn ảnh' (8) button. Below this is a table for managing storage locations:

STT	Mã kho	Tên kho	Số lượng trong kho	Ngày tạo	Ngày thêm
1	warehouse-1	Kho Quần 10	3000	01/01/2022	18/10/2022
2	warehouse-2	Kho Quần 7	2000	01/02/2022	31/12/2022

Below the table are dropdown menus for 'Màu' (11), 'Kích thước' (12), and a '+Thêm vào kho mới' (13) button. At the bottom right are 'Lưu' (9) and 'Thay đổi' (14) buttons.

Hình 48: Giao diện chỉnh sửa thông tin hàng

Mô tả:

1. Nhập tên hàng hóa
2. Nhập màu đơn giá hàng hóa
3. Nhập giá nhập hàng
4. Nhập tên nhà cung cấp
5. Chọn giới tính của hàng hóa
6. Chọn loại của hàng hóa
7. Chọn lứa tuổi của hàng hóa
8. Chọn ảnh cho hàng hóa
9. Chọn để lưu thay đổi
10. Chọn để thêm lựa chọn về màu sắc, kích thước
11. Chọn để đổi màu sản phẩm
12. Chọn kích thước sản phẩm
13. Chọn để thêm sp vào kho ms
14. Chọn để vận chuyển hàng trong kho

8.3.11.b Vận chuyển hàng

Mô tả:

1. Chọn kho khi nhập kho mới
2. Chọn để thực hiện nhập kho
3. Chọn để thực hiện chuyển kho
4. Chọn để thực hiện xuất kho
5. Chọn để thực hiện trả hàng cho nhà cung cấp kho
6. Chọn để thực hiện nhận hàng trả
7. Chọn kho đích đến để chuyển hàng
8. Chọn nhà cung cấp khi nhập kho
9. Chọn bên giao vận khi chuyển kho, xuất kho
10. Nhập số lượng hàng để thực hiện các hoạt động
11. Nhập mã đơn để xuất kho, nhận trả hàng
12. Chọn để thực hiện hành động



Hình 49: Giao diện vận chuyển hàng

8.3.12 Quản lý đơn hàng trực tuyến

STT	User	Mã đơn hàng	Ngày giao dịch	Giá trị
1	user-1	bill-1	12/12/2022	5.000.000 VND
2	user-2	bill-2	12/12/2022	100.000 VND
3	user-3	bill-3	12/12/2022	50.000 VND
4	user-4	bill-4	12/12/2022	91.000 VND
5	user-5	bill-5	12/12/2022	1.000.000 VND
6	user-6	bill-6	12/12/2022	5.505.000 VND
7	user-7	bill-7	12/12/2022	200.000 VND
8	user-8	bill-8	12/12/2022	200.000 VND
9	user-9	bill-9	12/12/2022	200.000 VND
10	user-10	bill-10	12/12/2022	200.000 VND

Hình 50: Giao diện quản lý đơn hàng trực tuyến

Mô tả:

- Chọn thời gian bắt đầu
- Chọn thời gian kết thúc
- Nhập để lọc đơn theo mã đơn
- Chọn để xem chi tiết đơn hàng

8.3.12.a Chi tiết đơn hàng trực tuyến

STT	Tên sản phẩm	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Áo sơ mi	200.000	1	200.000
2	Áo thun	50.000	4	200.000

	Tổng tiền
Tổng tiền	400.000
Thuế	40.000
Khuyến mãi	0
Phí ship	20.000
Tổng cộng	460.000

Hình 51: Giao diện chi tiết đơn hàng trực tuyến



8.3.13 Quản lý đơn hàng trực tiếp

STT	Mã cửa hàng	Mã đơn hàng	Ngày giao dịch	Giá trị
1	store-1	bill-1	12/12/2022	5.000.000 VND
2	store-2	bill-2	12/12/2022	100.000 VND
3	store-3	bill-3	12/12/2022	50.000 VND
4	store-4	bill-4	12/12/2022	91.000 VND
5	store-5	bill-5	12/12/2022	1.000.000 VND
6	store-6	bill-6	12/12/2022	5.505.000 VND
7	store-7	bill-7	12/12/2022	200.000 VND
8	store-8	bill-8	12/12/2022	200.000 VND
9	store-9	bill-9	12/12/2022	200.000 VND
10	store-10	bill-10	12/12/2022	200.000 VND

Hình 52: Giao diện quản lý đơn hàng cửa hàng

Mô tả:

- Chọn thời gian bắt đầu
- Chọn thời gian kết thúc
- Nhập để lọc đơn theo mã đơn
- Chọn để xem chi tiết đơn hàng

8.3.13.a Chi tiết đơn hàng cửa hàng

STT	Tên sản phẩm	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Áo sơ mi	200.000	1	200.000
2	Áo thun	50.000	4	200.000

Tổng tiền	400.000
Thuế	40.000
Khuyến mãi	0
Tổng cộng	440.000

Hình 53: Giao diện chi tiết đơn hàng cửa hàng

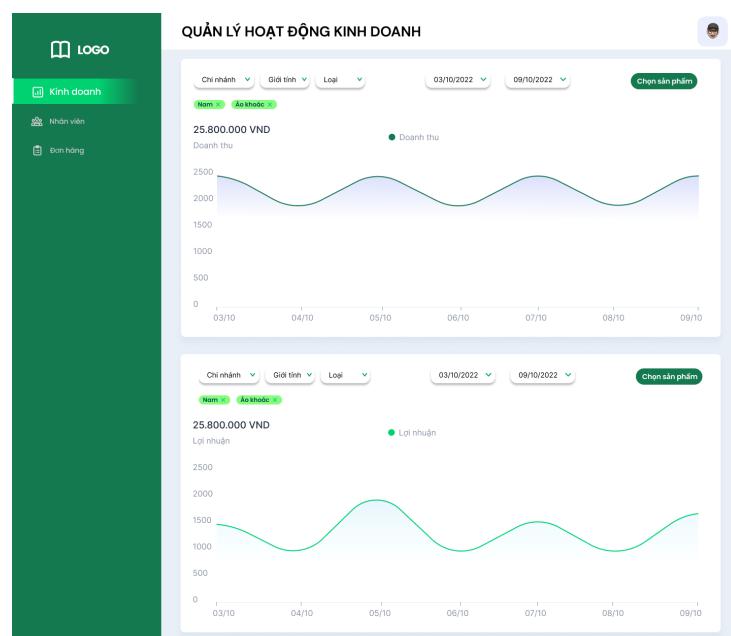
8.3.14 Giao diện khác

Bên cạnh quản trị viên, quản lý ở cấp cao nhất thì còn các quản lý ở từng mảng và chỉ sử dụng được một vài chức năng của quản trị viên nên chỉ có sự khác nhau về phần sidebar:

- Quản lý chi nhánh: Quản lý chi nhánh, quản lý hoạt động kinh doanh, quản lý nhân viên, quản lý đơn hàng cửa hàng
- Trưởng chi nhánh: Quản lý hoạt động kinh doanh (riêng chi nhánh), quản lý nhân viên(riêng chi nhánh), quản lý đơn hàng(riêng chi nhánh).
- Quản lý hàng hóa: Quản lý hàng hóa
- Quản lý kho: Quản lý kho, quản lý nhân viên kho



Hình 54: Giao diện của người quản lý chi nhánh



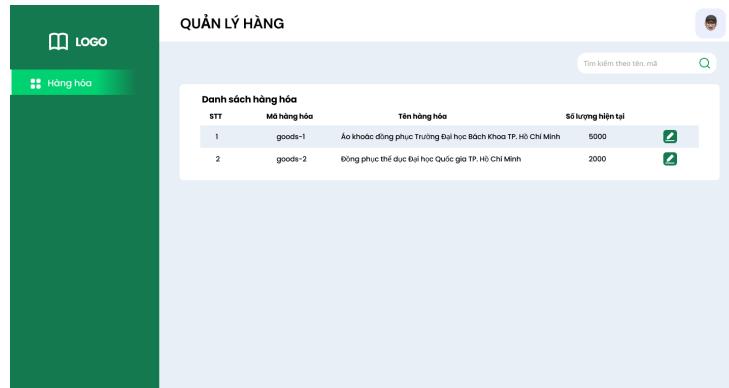
Hình 55: Giao diện của người trưởng chi nhánh



8.3.14.a Quản lý chi nhánh

8.3.14.b Trưởng chi nhánh

8.3.14.c Quản lý hàng hóa



Hình 56: Giao diện của người quản lý hàng hóa

8.3.14.d Quản lý kho



Hình 57: Giao diện của người quản lý kho



9 Lựa chọn công nghệ

9.1 Front-end

9.2 Back-end



10 Tổng kết

10.1 Kế hoạch cho giai đoạn luận văn



11 Tham khảo